

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ;
PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC; ĐẨY MẠNH ĐỔI
MỚI TOÀN DIỆN, TẠO ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ
HỘI; BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH; QUYẾT TÂM XÂY DỰNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG**

(Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV được tổ chức vào thời điểm rất quan trọng, kết thúc thắng lợi 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, 35 năm công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo (1986-2020). Đại hội là sự kiện chính trị quan trọng, có ý nghĩa to lớn đối với Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên nhằm đánh giá một cách khách quan, toàn diện tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2015-2020, đồng thời xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020- 2025. Tư tưởng chỉ đạo Đại hội XIV là: **"ĐOÀN KẾT - DÂN CHỦ - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN"**.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIII, NHIỆM KỲ 2015- 2020**

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường, có cả những thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen.

* *Về thời cơ, thuận lợi:* Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng, Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách thiết thực, hiệu quả và đồng bộ. Tỉnh tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo từ Trung ương, đặc biệt là Kết luận số 85-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị đã định hướng một số chủ trương, giải pháp chủ yếu để tỉnh xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đến năm 2020; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có chuyển biến tích cực. Những thành tựu từ quá trình 35 năm đổi mới của đất nước và của tỉnh trong các nhiệm kỳ trước là nền tảng quan trọng cho việc hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra.

* *Về khó khăn, thách thức:* Các nguồn lực đầu tư cho phát triển tuy đã được Đảng, Nhà nước, Quốc hội và các bộ ngành trung ương đặc biệt quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19... đã tác động không nhỏ đến sản xuất kinh doanh, đời sống của Nhân dân. Vấn đề dân tộc, tôn giáo, tình trạng di cư tự do, tội phạm ma túy diễn biến phức tạp; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, biên giới còn cao; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được kết quả nổi bật trên các lĩnh vực.

I- NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Thực hiện ba đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng

1.1. Về xây dựng, ban hành hệ thống các cơ chế, chính sách đồng bộ, kịp thời để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chủ động xây dựng, ban hành và lãnh đạo tổ chức thực hiện 09 chương trình trọng tâm, 25 nghị quyết chuyên đề, làm cơ sở để các cấp, các ngành thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện¹. Việc thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách và cụ thể hóa, ban hành cơ chế chính sách của địa phương được các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện có hiệu quả, tập trung vào cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút và khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, du lịch, giải quyết việc làm, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

Kết quả của việc thực hiện đột phá chiến lược hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường những năm qua, làm cho các yếu tố kinh tế thị trường trên địa bàn tỉnh phát triển. Môi trường đầu tư - kinh doanh thông thoáng, có sức hút đầu tư tốt hơn; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện, nhiều chương trình, dự án, chính sách đã đi vào cuộc sống, nhất là trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các nguồn vốn đầu tư phát triển ngoài nhà nước huy động cao hơn hẳn giai đoạn trước. Việc huy động các nguồn lực để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế, góp phần giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống Nhân dân có chuyển biến tiến bộ.

1.2. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư đồng bộ, tập trung vào một số công trình trọng điểm, hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị thiết yếu

Các nguồn lực đầu tư công được tập trung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số dự án trọng điểm tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; nhiều công trình, dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đã phát

¹ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 51 chỉ thị và nhiều chương trình, kế hoạch, kết luận... trên tất cả các lĩnh vực để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII.

huy hiệu quả. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư, nhất là giao thông có nhiều cải thiện theo hướng kết nối đồng bộ, diện mạo đô thị và nhiều vùng dân cư nông thôn đã có những thay đổi tiến bộ.

Nhiều tuyến đường giao thông tỉnh lộ được Trung ương nâng cấp thành quốc lộ với tổng mức đầu tư hàng ngàn tỷ đồng và đang từng bước được đầu tư đồng bộ như: Tuyến Quốc lộ 12 kéo dài (bao gồm cả Cầu Nậm Thanh, C4); Quốc lộ 279B Nà Tấu đi Mường Phăng; Quốc lộ 12B (Đường Pom Lót - Chiềng Sơ - Mường Luân); Quốc lộ 12C (Núa Ngam - Huổi Puốc); tuyến đường 4H đi Mường Nhé - A Pa Chải....; nhiều tuyến đường Tỉnh lộ đã được đưa vào sử dụng, như: Km 45 - Nà Hỳ; Tủa Chùa - Nậm Mực - Huổi Mí.... Hạ tầng giao thông nông thôn tiếp tục được đầu tư, mở rộng, đến hết năm 2020 có 100% xã có đường ô tô đến được trung tâm xã, trong đó 93,8% số xã đi lại được quanh năm.

Đặc biệt, Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Điện Biên và Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030 đã được Ban Bí thư cho chủ trương, Thủ tướng Chính phủ có kết luận khởi công trong năm 2020, là những động lực tích cực để tỉnh phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo.

Hệ thống các đô thị trung tâm, đô thị ở các thị trấn, thị tứ phát triển theo hướng hiện đại; tập trung đầu tư các dự án hạ tầng đô thị, trọng tâm là Thành phố Điện Biên Phủ và khu vực lân cận để thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội²; tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 ước đạt 25,8%, tăng 5,45% so với năm 2015 (20,35%); tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cấp nước sạch đạt 99,6%, tăng 2,1% so với năm 2015, tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 83,13%, tăng 13,5% so với năm 2015 (đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội).

Hạ tầng thủy lợi tiếp tục được đầu tư, xây dựng, nâng cấp theo hướng đa mục tiêu, góp phần tưới tiêu cho 29.190 ha đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, rau màu³. Hạ tầng năng lượng điện được quan tâm đầu tư, 100% xã phường, thị trấn có điện lưới quốc gia đến trung tâm, tỷ lệ hộ được sử dụng điện từ lưới điện quốc gia tăng từ 83,4% năm 2015 lên 92% năm 2020. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh - truyền hình phát triển nhanh, đa dạng, số hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và Nhân dân.

Hạ tầng y tế được tăng cường đầu tư, hệ thống bệnh viện tuyến tỉnh, huyện cơ bản được xây dựng hoàn thiện, số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 31,7 giường, cao hơn số bình quân chung cả nước, 78,3% trạm y tế có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, tăng 27,5% so với năm 2015. Hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp học

² Thực hiện dự án thuộc Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - TP Điện Biên Phủ; các dự án thực hiện theo hình thức PPP (4 dự án); các dự án hạ tầng; khu trung tâm hành chính mới của tỉnh...

³ Trong giai đoạn 2015-2020, đã thực hiện đầu tư 164 công trình thủy lợi, trong đó 55 công trình xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa 109 công trình.

được đầu tư, nâng cấp⁴. Cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao tiếp tục được đầu tư, xây dựng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của Nhân dân; đến hết năm 2020 có 100% huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 62,8% số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa; 38,9% số thôn, bản, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng.

Hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại được quan tâm đầu tư xây dựng: Toàn tỉnh hiện có 38 chợ đang hoạt động, 02 trung tâm thương mại, 03 siêu thị và 16 cửa hàng hoạt động theo mô hình siêu thị.

Bước đầu hình thành 03 cụm công nghiệp, trong đó có 01 cụm công nghiệp được thành lập; đã có một số nhà máy được xây dựng và đi vào hoạt động⁵, với tổng số vốn đầu tư vào các cụm công nghiệp khoảng 700 tỷ đồng.

1.3. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Đã xây dựng và triển khai các đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; chính sách tuyển dụng, đãi ngộ và thu hút nhân tài. Quan tâm, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ; tạo điều kiện để cán bộ, học sinh, sinh viên, nhất là người dân tộc thiểu số có phẩm chất đạo đức và triển vọng đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với các chuyên ngành mà tỉnh đang thiếu.

Nguồn nhân lực tăng nhanh về số lượng, đa dạng cơ cấu, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động công nghiệp, dịch vụ⁶. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được kiện toàn, chất lượng đào tạo nghề được nâng lên; tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 ước đạt 57%, tăng 13,23% so với năm 2015. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn và năng lực công tác được tăng cường. Quan tâm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ trí thức về công tác tại địa phương; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên tăng từ 43,8% (năm 2015) lên 60,6% (tính đến ngày 31/12/2019); 95,8% công chức cấp xã đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên.

2. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế

2.1. Quy mô, tốc độ tăng trưởng được duy trì, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, thu chi ngân sách cơ bản đáp ứng yêu cầu

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển; tốc độ tăng trưởng GRDP bình

⁴ Đến tháng 11/2019 toàn tỉnh có 511 trường mầm non và phổ thông với 195.844 học sinh, tăng 20 trường, 28.838 học sinh so với năm 2015 (đạt 99,6% mục tiêu đến năm 2020 là 196.700 học sinh). Kết thúc năm học 2019 - 2020 (tháng 6/2020) có 320/458 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt 69,9%. Toàn tỉnh hiện có 7.498 phòng học, trong đó có 5.005 phòng kiên cố (66,89%).

⁵ Nhà máy xi măng công suất 36 vạn tấn/năm, nhà máy gạch tuynel lò đứng với công suất 23 triệu viên/năm.

⁶ Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2020 giảm còn 57,8% (giảm 7,02% so với năm 2015); lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng lên 15,6% (tăng 3,2 % so với năm 2015); thương mại và dịch vụ tăng lên 25,7% (tăng 4% so với năm 2015).

quân giai đoạn 2016- 2020 ước đạt 6,83%/năm⁷ (đạt mục tiêu Nghị quyết); tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 ước đạt 20.056 tỷ đồng, tăng 1,78 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 38,25 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.732,2 USD/người/năm), đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 23,96% (năm 2015) xuống 18,22% (năm 2020), công nghiệp - xây dựng tăng từ 21,74% (năm 2015) lên 22,65% (năm 2020), dịch vụ tăng từ 51,71% (năm 2015) lên 54,19% (năm 2020).

Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 ước đạt 55.257 tỷ đồng; trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.794,01 tỷ đồng, dự ước năm 2020 đạt 1.249,94 tỷ đồng, tăng gấp 1,44 lần so với năm 2015 (vượt 4,16% so với mục tiêu của Nghị quyết). Tổng chi ngân sách nhà nước 05 năm ước đạt 54.998 tỷ đồng (đạt 108%); tốc độ tăng chi bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 8%/năm; cơ cấu chi trong cân đối thay đổi tích cực⁸.

2.2. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới thu được nhiều kết quả quan trọng

Tập trung cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, trong đó trọng tâm là tổ chức lại sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện chủ trương chuyển đổi diện tích cây lương thực kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả trên đất dốc, xây dựng một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường quản lý giống, vật tư... phòng, chống dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi. Kết quả dự ước tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 270,52 nghìn tấn (vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội). Đã hình thành và cấp xác nhận được 19 chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn⁹; thu hút được 21 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp với tổng số vốn là 6.186 tỷ đồng, trong đó có một số dự án lớn¹⁰; tiếp tục duy trì, khai thác vùng có lợi thế trồng cây công nghiệp dài ngày

⁷ Đánh giá, tổng hợp theo theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tốc độ tăng trưởng GRDP và cơ cấu kinh tế giai đoạn 2016-2020 theo kết quả công bố hàng năm của Cục Thống kê Điện Biên.

⁸ Cơ cấu chi: Chi đầu tư trong cân đối năm 2020 tăng 6% so với năm 2015; chi thường xuyên trong cân đối giảm 4,3% so với năm 2015.

⁹ 03 chuỗi gạo (Bắc thơm số 7, IR64, Ség cù); 06 chuỗi rau, củ, quả tươi; 02 chuỗi rứa; 02 chuỗi cà phê; 02 chuỗi chè; 01 chuỗi bánh khau xén, quả óc chó; 02 chuỗi thịt trâu, bò, lợn khô; 01 chuỗi cá hồi, cá tầm..

¹⁰ Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Mường Nhé, tổng vốn đầu tư 2.242 tỷ đồng; Dự án trồng Mắc ca kết hợp với trồng rừng, dược liệu và xây dựng khu chế biến sản phẩm tại xã Phú Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, tổng vốn đầu tư 1.465 tỷ đồng; Dự án trồng cây Mắc ca tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên, tổng vốn đầu tư 127 tỷ đồng; Dự án trồng rừng sản xuất và xây dựng hồ chứa nước tại xã Si Pa Phìn và xã Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, tổng vốn đầu tư 552 tỷ đồng; Dự án khu chế biến nông sản và trại chăn nuôi lợn siêu nạc tại xã Thanh Yên, huyện Điện Biên tổng vốn đầu tư 22,38 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn tại xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tổng vốn đầu tư 70 tỷ đồng; Dự án trồng cây ăn quả bằng công nghệ cao kết hợp trồng rừng sản xuất tại huyện Mường Ảng, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng; Dự án sản xuất Lúa gạo Điện Biên theo chuỗi giá trị gia tăng của Công ty Trường Hương, tổng vốn đầu tư 15 tỷ đồng; Dự án trại chăn nuôi lợn chất lượng cao Quang Lành huyện Điện Biên, tổng mức đầu tư 20,45 tỷ đồng,...

với diện tích 5.131ha cây cao su, 3.783,4ha cây cà phê và 597ha cây chè¹¹, qua đó đã giải quyết được nhiều việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục duy trì tốc độ phát triển; nuôi trồng thủy sản tăng cả về diện tích và sản lượng. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 42,5%, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra¹².

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện khá toàn diện, đi vào thực chất và chiều sâu, đạt nhiều kết quả. Từ năm 2016 đến năm 2020 đã huy động, bố trí lồng ghép các nguồn vốn được 9.310 tỷ đồng để thực hiện¹³; trong phong trào đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, cách làm hay; dự ước đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 37 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (vượt mục tiêu Nghị quyết), một đơn vị cấp huyện (thị xã Mường Lay) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số tiêu chí bình quân đạt 11,2 tiêu chí/xã¹⁴, không còn xã dưới 05 tiêu chí; có 36 sản phẩm OCOP được công nhận¹⁵; phong trào xây dựng nông thôn mới đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức của người dân nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện; bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc.

2.3. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển, tập trung chủ yếu vào các ngành có tiềm năng, thế mạnh

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) giai đoạn 2016- 2020 ước đạt 13.002,2 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 7,79%/năm. Trong đó, năm 2020 ước đạt 3.250 tỷ đồng, tăng 1,43 lần so với năm 2015; tập trung chủ yếu vào các ngành có tiềm năng, lợi thế như: thủy điện, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm sản¹⁶.

¹¹ Diện tích đã khai thác các năm từ 2017-2019 lần lượt là 631ha, 1.424 ha, 2.071 ha; tổng sản lượng 3.755 tấn mù quy khô; qua đó, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho trên 850 lao động thường xuyên và thời vụ. Cây cà phê được xác định là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; năm 2020, sản lượng cà phê nhân ước đạt 5.890,8 tấn. Cây chè được xác định là cây thế mạnh, lợi thế của huyện Tủa Chùa, dự ước năm 2020 sản lượng búp tươi 72,9 tấn, góp phần xóa đói, giảm nghèo nâng cao đời sống cho 3.381 hộ dân đang quản lý, chăm sóc và khai thác cây chè.

¹² Tuy nhiên, còn thấp hơn so với bình quân chung vùng Tây Bắc (47,09% năm 2019); nhưng cao hơn bình quân cả nước (41,89% năm).

¹³ Trong đó vốn hỗ trợ trực tiếp từ Trung ương cho Chương trình là 1.147,8 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 41,8 tỷ đồng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp là 1,89 tỷ đồng, vốn đóng góp của cộng đồng dân cư là 134,5 tỷ đồng, vốn tín dụng là 148 tỷ đồng, còn lại và vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác.

¹⁴ Năm 2019, toàn tỉnh ước có 33/116 xã được công nhận đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới.

¹⁵ Năm 2019 đã công nhận 26 sản phẩm OCOP.

¹⁶ Giai đoạn 2016-2020, đưa vào vận hành khai thác 7 dự án thủy điện, tổng công suất lắp máy 108,7MW. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 11 nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác, tổng công suất lắp máy 137,3MW. Hiện có 29 điểm mỏ khai thác khoáng sản.

Tiếp tục duy trì, khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống (dệt, may trang phục thổ cẩm, mây tre đan, đồ gỗ mỹ nghệ...); đến nay, trên địa bàn tỉnh có 07 làng nghề, trên 2.600 cơ sở kinh tế cá thể và hợp tác xã thủ công nghiệp.

2.4. Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch tiếp tục đà phát triển

Thương mại phát triển khá, thu hút các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, đầu tư hạ tầng thương mại... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Thực hiện tốt công tác bình ổn giá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2020 ước đạt 55.892,6 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 12,79%/năm. Hoạt động du lịch phát triển nhanh, năm 2020 số lượt khách du lịch ước đạt 910 ngàn lượt, tổng doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 1.500 tỷ đồng (vượt mục tiêu Nghị quyết). Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu giai đoạn 2016-2020 ước đạt 353,46 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 21,13%/năm¹⁷; trong đó tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2020 là 102 triệu USD (vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội).

Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển khá, chất lượng cơ bản đáp ứng nhu cầu của thị trường, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 19%/năm. Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10,5%/năm. Hoạt động tín dụng, ngân hàng ưu tiên tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đến hết năm 2020, huy động vốn trên địa bàn tỉnh ước đạt 11.017 tỷ đồng, tăng 1,6 lần so với năm 2015; tổng dư nợ tín dụng ước đạt 21.861 tỷ đồng, tăng gần 02 lần so với năm 2015.

2.5. Huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Triển khai quyết liệt các đề án, kế hoạch, chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và hỗ trợ doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế¹⁸. Tổng mức đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 ước đạt 50.276,99 tỷ đồng, nhịp độ tăng bình quân đạt 13,1%/năm, trong đó: Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước là 24.957,72 tỷ đồng, chiếm 49,6%; vốn khu vực ngoài nhà nước là 25.255,67 tỷ đồng, chiếm 50,23%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 70 tỷ đồng¹⁹; tỷ trọng vốn đầu tư công giảm dần qua các năm²⁰; tỷ trọng vốn đầu tư khu

¹⁷ Hoạt động thương mại biên mậu đạt được nhiều kết quả tích cực, song do các cửa khẩu nằm xa trung tâm KT-XH, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, mật độ dân cư thấp; điều kiện kinh tế của các địa phương giáp biên với tỉnh Điện Biên còn khó khăn; những khác biệt về chính sách... đã hạn chế sự phát triển.

¹⁸ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 xếp 47/63, tăng 16 bậc so với năm 2015.

¹⁹ Khó khăn, hạn chế về thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên, KT - XH thấp (Xa các trung tâm kinh tế lớn, hạ tầng còn yếu kém và chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực không cao...).

vực ngoài nhà nước có xu hướng tăng cao.

Giai đoạn 2016-2020, đã phê duyệt chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 83 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 12,5 nghìn tỷ đồng, tăng 41 dự án và hơn 4.800 tỷ đồng so với giai đoạn 2011-2015²¹.

2.6. Tiếp tục phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng kinh tế và các thành phần kinh tế theo hướng đa dạng

Vùng kinh tế động lực dọc Quốc lộ 279: Tập trung đầu tư nâng cấp đô thị Thành phố Điện Biên Phủ đạt tiêu chuẩn đô thị loại III; cơ sở hạ tầng trung tâm huyện Điện Biên, thị trấn huyện Mường Ảng, Tuần Giáo, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Tây Trang tiếp tục được hoàn thiện; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng liên kết giữa doanh nghiệp với người dân như: Lúa gạo vùng lòng chảo Điện Biên; mắc ca vùng Tuần Giáo, Điện Biên; cây ăn quả, cà phê vùng Mường Ảng, Tuần Giáo... góp phần đưa khu vực này tiếp tục là khu vực tăng trưởng năng động nhất, với mức đóng góp trên 70% tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Vùng kinh tế nông - lâm nghiệp sinh thái Sông Đà: Tiềm năng, lợi thế của vùng từng bước được khai thác và đem lại hiệu quả nhất định; xây dựng các nhà máy thủy điện, phát triển các loại cây công nghiệp có thế mạnh (chè Tuyết Shan, nuôi trồng khai thác thủy sản, chăn nuôi gia súc, khoanh nuôi bảo vệ rừng); từng bước triển khai tuyến vận tải thủy gắn với phát triển du lịch trên lòng hồ thủy điện Sơn La.

Vùng kinh tế Mường Chà - Nậm Pồ - Mường Nhé: Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé; kết cấu hạ tầng của huyện Nậm Pồ từng bước hoàn thiện. Bước đầu đã tổ chức khai thác các lợi thế về rừng, đất lâm nghiệp và phát triển chăn nuôi đại gia súc; thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án trồng cây cao su, cây mắc ca, trồng rừng và thủy điện; từng bước khai thác tốt thương mại, mậu dịch biên giới với Trung Quốc qua lối mở A Pa Chải - Long Phú.

Về phát triển các thành phần kinh tế: Thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo đúng quy định. Phát triển các loại hình doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh ngoài nhà nước. Dự ước đến hết năm 2020, tỉnh có 1.400 doanh nghiệp đăng ký hoạt động (trong đó số doanh nghiệp đăng ký mới giai đoạn 2016-2020 là 577 doanh nghiệp), tổng số vốn đăng ký là 23.833 tỷ đồng; có 195 hợp tác xã hoạt động với 8.890 thành viên; có trên 20.000 hộ kinh doanh, tổng số vốn đăng ký 6.950 tỷ đồng.

²⁰ Chú trọng đầu tư đảm bảo an sinh xã hội và đảm bảo quốc phòng an - ninh; đồng thời tập trung nguồn lực cho một số dự án trọng điểm, có sức lan tỏa tạo động lực cho phát triển; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản.

²¹ Đã có 40 dự án hoàn thành đi vào hoạt động; thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư 22 dự án; thu hồi, chấm dứt hoạt động 14 dự án.

2.7. Công tác sắp xếp, ổn định dân cư; phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Nhé, Nậm Pồ và vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La được quan tâm chỉ đạo và từng bước phát huy hiệu quả

Thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé và Nậm Pồ: Tập trung hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, ổn định đời sống, sản xuất cho người dân. Cơ bản bố trí sắp xếp, ổn định tại chỗ cho các hộ dân thuộc 159 điểm bản có đất ở và đất sản xuất; di chuyển và bố trí, sắp xếp ổn định cho 1.868 hộ với 5.268 nhân khẩu tại 32 bản mới và 06 bản cũ; đã hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 1.801 hộ là người có công với cách mạng, gia đình chính sách, hộ nghèo trên địa bàn huyện Nậm Pồ và Mường Nhé (riêng huyện Mường Nhé 100% hộ gia đình chính sách, hộ nghèo đã được hỗ trợ nhà ở 03 cứng bằng nguồn vốn xã hội hóa). Đến nay, tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được kiện toàn, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, từng bước cải thiện đời sống của Nhân dân.

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La: Tập trung chỉ đạo ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng, ổn định sản xuất, định canh, định cư, giảm nghèo, nhiều hộ gia đình ở vùng tái định cư đã được chuyển đổi nghề nghiệp; đời sống vật chất và tinh thần của người dân sau tái định cư từng bước được cải thiện²², tình hình an ninh, chính trị bảo đảm ổn định²³.

2.8. Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động cấp phép, khai thác khoáng sản, hành vi gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; cải tạo, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tập trung khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn; chú trọng bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Quản lý và thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác giao đất, giao rừng; khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất, cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất được phát huy tạo nguồn lực nhất định cho đầu tư phát triển²⁴.

²² Bước đầu khai thác, phát huy được tiềm năng lợi thế, nhất là tiềm năng thủy sản và du lịch vùng lòng hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh, tạo thêm việc làm ổn định cho nhiều hộ gia đình, kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân vùng lòng hồ được cải thiện rõ rệt; 83% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% hộ gia đình được sử dụng điện sinh hoạt; 100% trẻ em đến tuổi được đến trường.

²³ Chính sách hỗ trợ, sử dụng nguồn vốn và bố trí nguồn vốn chưa được các Bộ, ngành Trung ương thống nhất, bố trí kịp thời đã làm gián đoạn, hạn chế nguồn lực để thực hiện các mục tiêu đã đặt ra của 02 đề án (Đề án 79 và Đề án sắp xếp, ổn định dân cư; phát triển KT-XH vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La).

²⁴ Đã thực hiện giao đất được 190 tổ chức, diện tích 2.259 ha; phê duyệt phê duyệt 30 báo cáo đánh giá tác động môi trường; cải tạo xử lý triệt để 04 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước hợp vệ sinh 99,6%; tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom và xử lý 100%; thu gom chất thải rắn ở đô thị

3. Về phát triển văn hóa, xã hội

3.1. Giáo dục và đào tạo đạt kết quả tích cực

Chất lượng giáo dục, đào tạo từng bước được nâng lên. Mạng lưới trường, lớp học phát triển tương đối hoàn chỉnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, huy động trẻ đến trường đạt tỷ lệ cao. Tập trung rà soát, sắp xếp lại các trường, lớp học, nhằm tinh giản đầu mối và biên chế²⁵. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển; 100% cán bộ, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn²⁶. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các mức độ tiếp tục được giữ vững và từng bước nâng cao. Toàn tỉnh có 69,9% số trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia và 58,6% số trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt mục tiêu Nghị quyết.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học, học viện; chú trọng đào tạo chính quy, liên thông cao đẳng, đại học, sau đại học. Đào tạo nghề gắn với chuyển đổi cơ cấu ngành nghề và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Tăng cường hợp tác về giáo dục và đào tạo với các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Các hoạt động xã hội hóa, khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực.

3.2. Hoạt động khoa học - công nghệ có chuyển biến tiến bộ

Hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiếp tục có bước chuyển biến tích cực. Các đề tài khoa học được triển khai theo hướng nghiên cứu gắn với ứng dụng, bám sát tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và đã từng bước được áp dụng vào thực tế, nhất là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và chăn nuôi. Nhiều đề tài, dự án đã phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu và tăng năng suất chất lượng cây trồng, vật nuôi²⁷, cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn trong việc đưa ra những định hướng lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng, lợi thế về nông - lâm nghiệp của tỉnh.

3.3. Công tác y tế, dân số được quan tâm thực hiện, mạng lưới y tế từng bước được hoàn thiện

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ y tế được nâng lên, nhất là bác sỹ, dược sỹ có trình độ

82%. Thực hiện đo đạc thành lập bản đồ bản đồ các loại trên địa bàn toàn tỉnh tỉnh là 352.254 ha; chiếm 36,92% diện tích tự nhiên; hoàn thành xong việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 2/10 huyện, thị, thành phố.

²⁵ Toàn tỉnh đã sáp nhập 102 trường, trung tâm thành 55 đơn vị (giảm 46 đơn vị), giải thể 01 trung tâm.

²⁶ Theo Luật Giáo dục số 38/2005/QH11.

²⁷ Đã tổ chức triển khai 86 đề tài/dự án khoa học công nghệ (trong đó, trên 51% đề tài, dự án là nghiên cứu về thuộc lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản; 26,7% về lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn; 11,6% về lĩnh vực Y tế, giáo dục; còn lại là về Quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác).

sau đại học. Đến năm 2020, đạt 12,33 bác sỹ/vạn dân; 98,4% số trạm y tế xã có bác sỹ làm việc; 95,6% thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản; 80,6% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (đạt mục tiêu Nghị quyết). Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 98,8%. Công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh được tăng cường, không để dịch lớn xảy ra. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm xuống còn 16% (đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội); triển khai tích cực, hiệu quả công tác phòng, chống HIV/AIDS, khống chế tỷ lệ lây nhiễm HIV còn 0,59%; thực hiện có hiệu quả điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone và Buprenorphine. Từng bước thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa y tế.

Dân số, kế hoạch hóa gia đình được thực hiện hiệu quả, chất lượng dân số nâng lên. Tốc độ tăng dân số hằng năm 1,73%; mức giảm tỷ lệ sinh 0,46‰/năm; tổng tỷ suất sinh 2,7 con. Dân số trung bình năm 2020 ước đạt 61,2 vạn người.

3.4. Hoạt động văn hoá, thể thao được duy trì và phát triển, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân

Hoạt động văn hóa, thể thao khá đa dạng, phát triển bền vững, bảo đảm kế thừa truyền thống văn hóa của các dân tộc, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và sức sáng tạo của Nhân dân. Số thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư và hộ gia đình được công nhận đạt chuẩn văn hóa ngày càng tăng, đến năm 2020 có 70% hộ gia đình, 62% thôn, bản, tổ dân phố, 91% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa (đạt mục tiêu Nghị quyết). Tập trung bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể, nhất là bản sắc văn hoá các dân tộc để phục vụ phát triển du lịch²⁸.

Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục được Nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ²⁹. Công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá, thể thao tiếp tục được đẩy mạnh; hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển với những loại hình và các phương thức hoạt động mới, đa dạng, phong phú.

3.5. Hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích và phục vụ tốt yêu cầu, nhiệm vụ chính trị

Hệ thống thông tin liên lạc được bảo đảm an toàn, thông suốt, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức và Nhân dân. Cơ sở hạ tầng thông tin và

²⁸ Dự ước đến năm 2020 có 25 di tích được xếp hạng, có 12 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, xây dựng 02 hồ sơ đưa vào danh mục di sản văn hóa đại diện của nhân loại, 18/19 dân tộc được kiểm kê; có 28 nghệ nhân được phong tặng nghệ nhân ưu tú.

²⁹ Tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 30% so với tổng dân số; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 19% so với tổng số hộ gia đình.

truyền thông từng bước được đầu tư hiện đại hóa. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành. Tiến độ xây dựng chính quyền điện tử được đẩy mạnh, công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai, cung cấp nhiều dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 ÷ 4, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi giải quyết công việc.

Hoạt động phát thanh, truyền hình, báo chí xuất bản bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích. Phát thanh, truyền hình được đầu tư, nâng cấp phát sóng lên vệ tinh, nâng tỷ lệ phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100%; tăng chất lượng và thời lượng các chương trình, đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền trong Đảng bộ và nhu cầu của Nhân dân.

3.6. Lao động, việc làm và an sinh xã hội được thực hiện có hiệu quả

Giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động và giải quyết việc làm; trong giai đoạn 2016-2020 giải quyết việc làm mới cho 45.030 lao động, bình quân 9.006 lao động/năm (vượt mục tiêu Nghị quyết)³⁰; đào tạo nghề cho 40.650 lao động, bình quân đạt 8.126 lao động/năm (đạt mục tiêu Nghị quyết), nâng tỷ lệ lao động được đào tạo lên 57%³¹, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2020 còn 2,5%.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội (các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, bảo hiểm y tế đối với người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, đối tượng hưởng chính sách ưu đãi và đối tượng hưởng trợ giúp xã hội...); giải quyết kịp thời, đầy đủ chế độ cho các đối tượng chính sách, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ; trợ cấp cho các đối tượng yếu thế góp phần ổn định cuộc sống³². Đến cuối năm 2020, hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 2.738 hộ có công với cách mạng, gia đình chính sách, hộ nghèo. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 48,14% đầu năm 2016 ước xuống còn 30,67% năm 2020, bình quân hàng năm giảm 3,49 điểm phần trăm (vượt mục tiêu Nghị quyết); riêng các huyện nghèo (huyện 30a) bình quân hàng năm giảm 4,53 điểm phần trăm³³.

3.7. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm chỉ đạo

Các chương trình, dự án, đề án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng đặc biệt khó khăn được triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần ổn định sản xuất, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh trật tự, nâng cao đời sống vật chất

³⁰ Trong đó xuất khẩu lao động 239 người, lao động làm việc tại doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh 4.800 người

³¹ Trong đó tổng số lao động được hỗ trợ học nghề ngắn hạn khoảng 25.000 người (có 10.258 người là nữ, chiếm 41,03%). Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân là 16,1%.

³² Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 15.184 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

³³ Tỷ lệ hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 60,80% đầu năm 2016 xuống còn 42,80% năm 2019 và ước giảm xuống còn 38,80 năm 2020, bình quân hàng năm giảm 4,4 điểm phần trăm.

và tinh thần của người dân³⁴; triển khai lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, góp phần xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống của Nhân dân, nhất là khu vực đặc biệt khó khăn, vùng cao, biên giới.

Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường; phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch và phần tử xấu lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để xuyên tạc, vu khống, chống phá Đảng, Nhà nước; các âm mưu kích động, lôi kéo, chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp đã tạo điều kiện để các tổ chức, tín đồ tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật. Đã thành lập Giáo hội Phật giáo tỉnh Điện Biên, Giáo xứ Điện Biên; đến nay, đã cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho 302/412 điểm nhóm, đạt 73,3% (trong đó 289 điểm nhóm tín lành, 11 điểm nhóm công giáo, 02 điểm phật giáo). Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định và tuân thủ theo pháp luật, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

4.1. Công tác quân sự, quốc phòng

Cấp ủy, chính quyền các cấp và lực lượng vũ trang trong tỉnh đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các nghị quyết, chiến lược của Bộ Chính trị³⁵, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; Luật Quốc phòng 2019 và các nghị định của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Triển khai thực hiện hiệu quả, toàn diện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Chủ động nắm tình hình, không để đột xuất, bất ngờ xảy ra.

Hoàn thành 100% kế hoạch luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn với nhiều nội dung mới; công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân; xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Bảo vệ vững chắc đường biên, cột mốc, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển.

³⁴ Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025; Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Công; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020, Chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

³⁵ Nghị quyết số 28-NQ/TW (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Chỉ thị số 07-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

4.2. Công tác bảo đảm an ninh - trật tự

Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, lực lượng chức năng quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác bảo đảm an ninh, trật tự³⁶. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế đến thăm và làm việc tại tỉnh; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động; tích cực đấu tranh, ngăn chặn các yếu tố gây mất ổn định an ninh quốc gia³⁷, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp ngay tại cơ sở. Liên tục tấn công trấn áp các loại tội phạm, đẩy lùi các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội³⁸. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nhất là quản lý cư trú, quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cả về chiều sâu và chiều rộng³⁹, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của tỉnh.

4.3. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng; tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; duy trì quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tỉnh Đông Bắc Thái Lan. Mở rộng hợp tác kinh tế với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước nhằm hội nhập quốc tế sâu rộng, thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bình quân đạt khoảng 3 triệu USD/năm. Chỉ đạo các cơ quan chức năng quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào, bảo đảm đúng quy định, an toàn, tiết kiệm.

Thực hiện nghiêm các văn kiện pháp lý về biên giới quốc gia, tăng cường, mở rộng đối ngoại nhân dân; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới, vấn đề di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới;

³⁶ Kết luận số 86-KL/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 51-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia; Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia; Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới; Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 21-CT/TW và Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy; phòng, chống tội phạm và phòng, chống mua bán người...

³⁷ Điều tra, xử lý 38 vụ, 85 đối tượng, khởi tố 26 vụ, 63 bị can phạm tội xâm phạm ANQG.

³⁸ Điều tra làm rõ 918 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ, xử lý 1.269 đối tượng; phát hiện, bắt giữ 2.798 vụ, 3.215 đối tượng phạm tội về ma túy; phát hiện, xử lý 987 vụ, 1.062 cá nhân, tổ chức vi phạm trên lĩnh vực kinh tế, môi trường, khởi tố 94 vụ, 113 bị can.

³⁹ Xây dựng, duy trì 32 mô hình với 4.038 tổ chức quần chúng bảo vệ ANTT ở cơ sở, 162 hòm thư tố giác tội phạm; bố trí, sắp xếp 1.994 cán bộ Công an xã và Công an viên thôn, bản; bố trí 100% Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Trưởng, Phó trưởng Công an các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy qua biên giới, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới.

5. Công tác xây dựng đảng

5.1. Công tác chính trị, tư tưởng được tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận của xã hội

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tăng cường giáo dục truyền thống dân tộc, đạo đức cách mạng tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, học tập thực hiện chỉ thị, nghị quyết tiếp tục đổi mới về hình thức, phương pháp và nội dung, 100% cấp ủy, tổ chức đảng, 95,5% cán bộ, đảng viên, 80% quần chúng được quán triệt, học tập và 100% viết bài thu hoạch theo quy định. Chủ động nắm tình hình, tư tưởng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; kịp thời định hướng dư luận xã hội, tích cực đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, niềm tin của Nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiện toàn Ban chỉ đạo 35 cấp tỉnh, cấp huyện và đội ngũ cộng tác viên dư luận các cấp.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị⁴⁰; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư và Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về trách nhiệm nêu gương⁴¹. Tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề bức xúc trong Nhân dân.

Công tác giáo dục lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn có chuyển biến tích cực; hoàn thành cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh tập III (giai đoạn 2004- 2018) và thẩm định lịch sử đảng bộ của các địa phương, đơn vị. Hoạt động báo cáo viên các cấp được duy trì, chất lượng được nâng lên.

⁴⁰ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 13-KH/TU, ngày 04/3/2012, Kế hoạch số 17-KH/TU, ngày 04/01/2017 về thực hiện nghị quyết gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

⁴¹ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 30/3/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh và ban hành Quy định số 4871-QĐ/TU, ngày 19/4/2019 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

5.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng có bước chuyển biến tích cực

Đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt đầy đủ, kịp thời và cụ thể hóa các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác xây dựng Đảng bằng các quy chế, quy định, đảm bảo dân chủ và chặt chẽ hơn⁴². Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp xây dựng và thực hiện kế hoạch, đề án về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, đem lại hiệu quả thiết thực, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Đã thực hiện chủ trương Trưởng ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và 50% đơn vị cấp huyện, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kiêm Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh và Trưởng ban Tuyên giáo kiêm giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị tại 100% đơn vị cấp huyện; thực hiện thí điểm hợp nhất các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở huyện Điện Biên và thị xã Mường Lay.

Thực hiện mở rộng địa giới hành chính Thành phố Điện Biên Phủ và thị trấn Tủa Chùa; sáp nhập xã Thanh Minh và xã Tà Lèng thuộc Thành phố Điện Biên Phủ; sắp xếp, giảm từ 1.813 thôn, bản, tổ dân phố xuống còn 1.441 thôn, bản, tổ dân phố (giảm 20,5% tổng số thôn, bản, tổ dân phố).

Thông qua sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan khối Đảng, đoàn thể tỉnh đã giảm 14 đầu mối cấp phòng, cơ quan chính quyền đã giảm 01 đầu mối cấp tỉnh, 06 đơn vị cấp phòng; các đơn vị sự nghiệp sau sắp xếp giảm 87 đầu mối thuộc các ngành và cấp huyện... Sau sắp xếp tổ chức, toàn tỉnh giảm được 06 lãnh đạo cấp ngành, 279 cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương. Từ năm 2015 đến hết năm 2020, dự kiến tinh giản biên chế toàn tỉnh là 2.980/29.108 người, đạt 10,24% (trong đó nghỉ hưu đúng độ tuổi là 1.759; tinh giản biên chế 1.221 người).

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đổi mới, bảo đảm đồng bộ, chặt chẽ; đã luân chuyển 11 cán bộ để đào tạo và bố trí 90% bí thư cấp ủy huyện, 70% chủ tịch UBND huyện không là người địa phương. Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ đi vào nền nếp, chặt chẽ, bảo đảm công tâm, khách quan. Công tác quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Đã phê duyệt quy hoạch 139 lượt cán bộ cấp tỉnh, 1.576 lượt cán bộ thuộc sở, ngành và cấp huyện, 6.076 lượt cán bộ cấp xã.

⁴² Sửa đổi bổ sung quy định về quản lý tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý cán bộ; quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; ban hành quy định về luân chuyển cán bộ; quy định về tiêu chuẩn chức danh và tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý; sửa đổi quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; chỉ đạo rà soát, sửa đổi quy chế làm việc và quy định chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được quan tâm hơn, đã xét cử 3.368 lượt cán bộ đi đào tạo về chuyên môn, 5.764 lượt cán bộ đi đào tạo về lý luận chính trị và 85.289 lượt cán bộ bồi dưỡng chuyên ngành. Chất lượng đội ngũ cán bộ từng bước nâng lên và chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quy định⁴³. Thực hiện kịp thời, đúng quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, các giải pháp phát triển đảng viên, xóa bản trắng đảng viên⁴⁴; chỉ đạo chặt chẽ việc đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên bảo đảm thực chất hơn⁴⁵.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; phương pháp rà soát, nắm tình hình về chính trị nội bộ được tiến hành thận trọng; việc thẩm định, thẩm tra, xác minh, kết luận đối với cán bộ, đảng viên được thực hiện đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

5.3. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được triển khai đồng bộ, khá toàn diện

Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và đảng viên về mục đích, ý nghĩa, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên. Công tác kiểm tra, giám sát được cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp triển khai tương đối đồng bộ, toàn diện, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nội dung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của từng tổ chức đảng. Nhiều việc phức tạp, nhạy cảm, nổi cộm, dư luận bức xúc, những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực đã được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, làm rõ, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

⁴³ Đến cuối năm 2020, cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng (tương đương) trở lên có trình độ chuyên môn đại học trở lên chiếm 99%, đạt 99% mục tiêu Nghị quyết Đại hội; lý luận chính trị từ trung cấp trở lên chiếm 99,7%, đạt 99,7% mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trung học phổ thông chiếm 77,2%, đạt 128,7% chỉ tiêu nghị quyết đại hội; 100% được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (trong đó trình độ trung cấp trở lên chiếm 93,6%, đạt 104,0% chỉ tiêu nghị quyết); trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên chiếm 55,6% (tăng 21,8% so với đầu nhiệm kỳ), đạt 85,5% mục tiêu Nghị quyết Đại hội..

⁴⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 23/5/2016 về tăng cường xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ và phát triển đảng viên, tổ chức đảng ở cơ sở trực thuộc xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị chưa có đảng viên, chưa có chi bộ, giai đoạn 2016 - 2020. Đến nay, đã "xóa" 87 thôn, bản chưa có đảng viên, tăng thêm 192 thôn, bản có tổ chức đảng; hiện còn 08 thôn, bản chưa có đảng viên, giảm 91,57% số thôn, bản chưa có đảng viên so với đầu năm 2016.

⁴⁵ Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh (năm 2018 là HTXSNNV) bình quân đạt 44,6%, tổ chức cơ sở đảng yếu kém hàng năm đều dưới 5%, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Hàng năm, đảng viên hoàn thành XSNV chiếm khoảng 15,5%, đảng viên HTTNV chiếm khoảng 79%, đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hàng năm dưới 1%.

Từ đầu nhiệm kỳ tới nay (tính đến thời điểm tháng 6/2020), cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã kiểm tra 781 tổ chức đảng và 1.040 đảng viên, tăng 63 tổ chức đảng (8,77%) so với nhiệm kỳ 2010 - 2015. Giám sát đối với 285 tổ chức đảng và 652 đảng viên, tăng 79 đảng viên (13,78%) so với nhiệm kỳ 2010-2015. Thi hành kỷ luật 433 đảng viên, tăng 101 đảng viên (30,4%) so với nhiệm kỳ 2010-2015, trong đó: khiển trách 304 đảng viên, cảnh cáo 94 đảng viên, cách chức 7 đảng viên, khai trừ 28 đảng viên, đình chỉ sinh hoạt 8 đảng viên (đảng viên là cấp ủy viên các cấp bị thi hành kỷ luật là 99 đảng viên, trong đó: huyện ủy viên 11 đồng chí, đảng ủy viên 44 đồng chí, chi ủy viên 44 đồng chí). Thi hành kỷ luật đối với 7 tổ chức đảng với hình thức khiển trách. Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 4 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 19 tổ chức đảng và 90 đảng viên; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với 479 tổ chức đảng; kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 172 tổ chức đảng cấp dưới; giám sát chuyên đề đối với 134 tổ chức đảng và 182 đảng viên; thi hành kỷ luật 220 đảng viên tăng 73 đảng viên (49,65%), trong đó, khiển trách: 86 đảng viên; cảnh cáo 35 đảng viên; khai trừ 99 đảng viên. Giải quyết tố cáo đối với 37 đảng viên, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 01 đảng viên.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả hơn; đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa những khuyết điểm, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý, xử lý nghiêm những vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

5.4. Công tác dân vận có bước đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở

Cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện nghiêm nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo. Tiếp tục đẩy mạnh công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước, phong trào thi đua "Dân vận khéo" gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

Tăng cường đổi mới phương thức hoạt động, trọng tâm là hướng về cơ sở, đa dạng hoá các hình thức dân vận, tập hợp Nhân dân, chăm lo nâng cao đời sống của Nhân dân. Việc đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ, đã có tác động tích cực đến cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ trong các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể được nâng lên rõ rệt; dân chủ trực tiếp được phát huy, với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" được thực hiện có hiệu quả.

Chủ động nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, bảo đảm quốc phòng - an ninh; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo; phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch và phần tử xấu lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để xuyên tạc, vu khống, chống phá Đảng, Nhà nước; các âm mưu kích động, lôi kéo, chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc.

5.5. Công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng được triển khai sâu rộng và đạt kết quả khá quan trọng

Tập trung phổ biến, quán triệt và cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng chống tham nhũng; bảo vệ an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội⁴⁶; chủ trương xử lý đối với những vụ án theo đúng quy định và các vấn đề đột xuất, nổi cộm, phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn⁴⁷.

Công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng đạt được kết quả quan trọng⁴⁸; thực hiện có hiệu quả việc rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh; tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp, hỗ trợ tư pháp, hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo vệ an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đúng pháp luật. Chất lượng tranh tụng tại phiên tòa từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; các vụ án phức tạp, dư luận xã hội quan tâm được tập trung chỉ đạo giải quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật⁴⁹.

Công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, đạt được kết quả tích cực. Triển khai đồng bộ cả ba khâu: phòng ngừa, phát hiện và xử lý; qua đó, kịp thời ngăn chặn các

⁴⁶ Ban hành 44 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng gồm: 19 chỉ thị, 05 nghị quyết, 01 quy định, 06 chương trình, 07 kế hoạch, 03 công văn,

⁴⁷ Ban hành các Thông báo cho chủ trương, đường lối xử lý vụ án, vụ việc theo quy định của Đảng (Vụ Cao Mỹ Duyên; Vụ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân tại Mường Nhé...; đã xét xử 02 vụ, 16 đối tượng liên quan đến an ninh quốc gia).

⁴⁸ Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện 27 cuộc kiểm tra; 14 cuộc giám sát về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp đối với 41 tổ chức đảng (Cấp ủy và BCĐ Cải cách Tư pháp kiểm tra 14 cuộc; Giám sát 01 cuộc. Giao Ban Nội chính Tỉnh ủy kiểm tra 13 cuộc; giám sát 13 cuộc).

⁴⁹ Viện kiểm sát nhân dân quyết định truy tố 3.271 vụ/4.118 bị cáo; Tòa án nhân dân thụ lý 9.183 vụ các loại.

hành vi tham nhũng⁵⁰; vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử và toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng được nâng cao.

5.6. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp có nhiều đổi mới cả về lề lối làm việc và tác phong công tác

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là đối với hoạt động của chính quyền, MTTQ và các đoàn thể; đổi mới phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy theo hướng phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể và trách nhiệm cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; xây dựng quy chế làm việc, phân công rõ trách nhiệm, rõ người, rõ việc; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, đề cao tính chủ động, chịu trách nhiệm, khắc phục việc buông lỏng lãnh đạo hoặc làm thay. Đẩy mạnh phân cấp để cấp ủy các cấp phát huy quyền chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ; đồng thời tăng cường kiểm tra cơ sở, thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, giải quyết hiệu quả các vấn đề bức xúc ở địa phương, cơ sở; tăng cường kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện quy chế làm việc.

Các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới và nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; phát huy trí tuệ của tập thể, đề cao trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành trong quá trình chuẩn bị nghị quyết của cấp ủy.

Công tác củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy và tổ chức đảng được quan tâm thực hiện, có nhiều chuyển biến tích cực; tổ chức cơ sở đảng được kiện toàn, từng bước bảo đảm yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở; năng lực, trình độ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở được nâng lên; chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy có nhiều chuyển biến tích cực, dân chủ trong Đảng được mở rộng; các tổ chức cơ sở đảng luôn giữ vững, phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở.

6. Lãnh đạo hoạt động của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng

6.1. Lãnh đạo hoạt động của chính quyền các cấp

Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Đảng và quy chế làm việc của Ban Chấp hành

⁵⁰ 100% cơ quan đơn vị thực hiện kê khai, kiểm tra, giám sát việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định. Kịp thời xử lý một số vụ án tham nhũng được dư luận đồng tình ủng hộ (đã xử lý hình sự đối với 10 vụ, 26 bị cáo tham nhũng). Thanh tra các cấp, ngành tiến hành 285 cuộc thanh tra hành chính và 3.582 cuộc thanh tra chuyên ngành.

Đảng bộ tỉnh, đã chỉ đạo tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021. Phát huy vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp từng bước được đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả. Phối hợp chuẩn bị và tổ chức thành công các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV. Cụ thể hóa kịp thời chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để tổ chức thực hiện⁵¹. Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với các lĩnh vực quan trọng, những vấn đề cử tri quan tâm⁵²; đôn đốc, phối hợp kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện⁵³.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp có bước đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Ủy ban nhân dân các cấp tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các nghị quyết chuyên đề, đề án, chương trình, kế hoạch của cấp ủy và của Hội đồng nhân dân. Chỉ đạo thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện hiệu quả công tác dân vận trong cơ quan, chính quyền các cấp; giải quyết đơn, thư, vụ việc phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có chuyển biến tích cực.

Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội tỉnh thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Tích cực tham gia xây dựng pháp luật, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Tích cực đổi mới trong hoạt động tiếp xúc cử tri, thực hiện tốt vai trò là cầu nối, chuyển tải

⁵¹ Hội đồng nhân dân các cấp đã tổ chức thành công 1.132 kỳ họp, trong đó cấp tỉnh 12, cấp huyện 80, cấp xã 1040; các kỳ họp của Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra nghiêm túc, dân chủ và đúng luật; ban hành 2.387 nghị quyết trên các lĩnh vực, trong đó cấp tỉnh 155, cấp huyện 412, cấp xã 1.820 nghị quyết.

⁵² Đã thực hiện 684 cuộc giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với 1.187 người, trong đó, cấp tỉnh là 28; cấp huyện là 206; cấp xã là 953.

⁵³ Tổ chức 1.080 cuộc tiếp xúc cử tri trên địa bàn 100% xã, phường, thị trấn và ở các thôn bản tại 10/10 huyện, thị xã, thành phố; tiếp nhận 11.389 ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới các cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo quy định. Tổ chức 154 buổi tiếp công dân với 3.610 lượt người, tiếp nhận 5.035 đơn thư, hầu hết các đơn được các ngành chức năng giải quyết đúng theo quy định, đạt tỷ lệ 84%.

nguyện vọng, kiến nghị của cử tri tới các cơ quan nhà nước; tham gia đầy đủ, trách nhiệm tại các kỳ họp của Quốc hội.

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được đẩy mạnh, đạt kết quả rõ nét. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đi vào nền nếp. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được thực hiện nghiêm; lề lối, tác phong làm việc, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nâng lên. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính của các cơ quan, xây dựng chính quyền điện tử tiếp tục được đầu tư, triển khai có hiệu quả. Cơ chế khoán biên chế và cơ chế quản lý tài chính chặt chẽ hơn. Một số chỉ số về cải cách hành chính của tỉnh được đánh giá cao hơn qua các năm⁵⁴.

6.2. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng được phát huy, chất lượng, hiệu quả hoạt động nâng lên, góp phần tăng cường khối đoàn kết các dân tộc

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh chủ động phối hợp xây dựng chương trình hành động; đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, nhất là tuyên truyền triển khai thực hiện các chương trình, dự án lớn trên địa bàn. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; vận động, tập hợp, củng cố khối đoàn kết các dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động⁵⁵, nhất là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” do Thủ tướng Chính phủ phát động; phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Xây dựng cơ quan, trường học, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; “Cựu chiến binh Điện Biên gương mẫu làm theo lời Bác”; “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng”; “Thanh niên xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc”; “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc và ANTT xóm (bản) khu vực biên giới”; “Mỗi tổ chức cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”; “Tuổi cao - gương sáng” và

⁵⁴ Chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX) năm 2018 của tỉnh xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố, tăng 35 bậc so với năm 2015. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2018 đạt 86,01 điểm, tăng 6,7 điểm so với năm 2017 và xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2018 xếp thứ 40/63 tỉnh, thành phố; chỉ số CPI của tỉnh xếp thứ 44/63 thành phố, tăng 19 bậc so với năm 2015.

⁵⁵ Động viên Nhân dân đóng góp công sức, tiền của, hiến đất, làm an sinh xã hội để xây dựng nông thôn mới trị giá trên 100 tỷ đồng; Quỹ vì người nghèo các cấp đã vận động được 29 tỷ 714 triệu đồng. Xây mới 1.083 Nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách; hàng ngàn lượt hộ nghèo được sửa chữa nhà ở.

hiều phong trào thi đua khác... đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần thi đua, lao động sáng tạo của Nhân dân, qua đó đã phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, nhân dân phấn khởi giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp đã phát huy dân chủ, nêu cao vai trò đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh. Tập hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri và Nhân dân để chuyển các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết⁵⁶.

Hoạt động đối ngoại nhân dân được tăng cường. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới và có chuyển biến tích cực. Tổ chức, bộ máy được củng cố, kiện toàn theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục mở rộng, thu hút thêm nhiều thành viên, đoàn viên, hội viên mới. Hoạt động đối ngoại nhân dân được tăng cường.

Công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội quần chúng từng bước được nâng lên, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hội quần chúng phát huy vai trò, sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng và phát triển. Các tổ chức hội hoạt động tích cực, hiệu quả, đúng tôn chỉ mục đích và quy định của pháp luật; chủ động tuyên truyền giáo dục, động viên hội viên thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp đỡ lẫn nhau trong phát triển kinh tế.

II- NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Thực hiện ba khâu đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã tạo nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, sức cạnh tranh thấp, phụ thuộc nhiều vào đầu tư từ ngân sách nhà nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa vững chắc, sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, hoạt động chế biến nông sản còn hạn chế; thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế còn hạn chế; một số chương trình, dự án trọng điểm được xác định trong Kết luận số 85-KL/TW của Bộ Chính trị như: Nâng cấp cải tạo các tuyến quốc lộ (Quốc lộ 6 đoạn Tuần Giáo - Thị xã Mường Lay; Quốc lộ 279 đoạn Điện Biên - Tây Trang), Đề án xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc ít người, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia (Đề án 29 xã biên giới) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-TTg, ngày 09/8/2016 nhưng chưa được Trung ương cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện, đã ảnh hưởng

⁵⁶ Tổ chức 64 hội nghị đối thoại giữa Mặt trận Tổ quốc và Nhân dân với người đứng đầu chính quyền các cấp. Chủ trì tổ chức 224 cuộc giám sát, 03 cuộc phản biện xã hội, kiến nghị 1.010 ý kiến tới các cấp, các ngành liên quan xử lý, giải quyết.

đến các đột phá chiến lược của tỉnh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị.

2. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chiếm tỷ trọng thấp so với tổng chi ngân sách. Quản lý, khai thác các tiềm năng, lợi thế để phát triển chưa tương xứng, nhất là tiềm năng lợi thế về sản xuất nông, lâm nghiệp, dịch vụ du lịch. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn hạn chế, nhất là quản lý xây dựng theo quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng còn nhiều bất cập. Tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước còn cao. Tiến độ triển khai thực hiện một số chương trình, dự án, công tác giải ngân, thanh quyết toán các nguồn vốn đầu tư còn chậm so với yêu cầu.

3. Văn hóa, y tế, giáo dục có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Hiệu quả cai nghiện ma túy thấp, tỷ lệ tái nghiện cao. Cải cách hành chính có nhiều tiến bộ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn chưa gắn với nhu cầu thị trường, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp.

4. An ninh, trật tự còn tiềm ẩn nhân tố mất ổn định, nhất là hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, tuyên truyền, lôi kéo, kích động thành lập “Nhà nước riêng”; tội phạm và tệ nạn ma túy còn diễn ra phức tạp ở một số địa bàn; sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền, nhất là ở cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự có mặt còn hạn chế.

5. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo tình hình có mặt còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Công tác sơ kết, tổng kết một số chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh còn hình thức, chưa đúng trọng tâm, trọng điểm; công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai nghị quyết ở một cấp ủy, tổ chức đảng chưa sâu, hiệu quả chưa cao.

6. Hoạt động của một số tổ chức trong hệ thống chính trị có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác cán bộ có mặt còn hạn chế; việc tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu; việc quản lý cán bộ, đảng viên có nơi chưa chặt chẽ. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn yếu; chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao.

7. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy chưa thường xuyên, chưa chủ động, hiệu quả chưa cao. Tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý vi phạm trong nội bộ vẫn là khâu yếu. Việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, xử lý vi phạm sau kiểm tra, thanh tra, kiểm toán chưa triệt để.

8. Công tác vận động, nắm tình hình, giải quyết tâm tư nguyện vọng và những bức xúc trong Nhân dân có lúc, có việc chưa kịp thời. Triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động đôi khi còn hình thức. Thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội có nơi còn lúng túng, hiệu quả thấp.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và 6 năm thực hiện Kết luận số 85-KL/TW của Bộ Chính trị, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, song Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII; đặc biệt là Tỉnh ủy đã quán triệt, cụ thể hóa phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến năm 2020 đã được Bộ Chính trị định hướng, giao nhiệm vụ tại Kết luận số 85-KL/TW, 3 khâu đột phá chiến lược và 6 nhiệm vụ trọng tâm trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015-2020 và các nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực.

Kết quả thực hiện các mục tiêu, 18 nhóm chỉ tiêu chủ yếu ước đạt và vượt so Nghị quyết Đại hội đề ra. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt được những kết quả quan trọng. Thu ngân sách trên địa bàn và huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết. Thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh có chuyển biến tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng, quan tâm đầu tư. Văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến rõ nét. Giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện có hiệu quả, đời sống Nhân dân từng bước được nâng lên, các vấn đề xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo giải quyết đạt kết quả.

Chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được bảo đảm; quan hệ đối ngoại mở rộng; khối đoàn kết các dân tộc được tăng cường. Cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm có chuyển biến tiến bộ. Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng; tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, sắp xếp, theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những kết quả nổi bật như trên, so với các tỉnh trong vùng đều đạt ở mức khá, đạt mục tiêu Kết luận 85-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra: ***"phấn đấu xây dựng Điện Biên trở thành tỉnh phát triển trung bình trong vùng trung du và miền núi phía Bắc"***.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân của những kết quả nổi bật

Tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ kịp thời của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội và các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể Trung ương; sự ủng hộ, hỗ trợ của các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp. Đảng bộ không ngừng trưởng thành, vững mạnh, đã đề ra những chủ trương, chương trình hành động đúng đắn, linh hoạt, kịp thời; đồng thời nhận được sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp để biến thời cơ, thuận lợi thành hành động. Cấp ủy, chính quyền các cấp đổi mới phương thức lãnh đạo, hoạt động chỉ đạo, điều hành; xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo phù hợp; phát huy được vai trò giám sát, quyết định và tập hợp quần chúng, truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đạt được các mục tiêu của Đại hội.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm

**** Nguyên nhân khách quan***

Xuất phát từ điều kiện một tỉnh miền núi, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, xa các trung tâm kinh tế lớn, giao thông đi lại không thuận lợi, nguồn lực đầu tư chủ yếu dựa vào ngân sách Trung ương; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; việc khai thác tiềm năng lợi thế, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào tỉnh và tiếp cận nguồn vốn tín dụng còn hạn chế. Các loại tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy hoạt động ngày càng tinh vi, phức tạp. Một bộ phận người dân có trình độ nhận thức, phương thức canh tác còn lạc hậu.

**** Nguyên nhân chủ quan***

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn hạn chế; một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa làm hết trách nhiệm; việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy hết sức mạnh của hệ thống chính trị. Công tác cán bộ có mặt chưa đáp ứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới, một số cán bộ, đảng viên chưa chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Việc nắm tình hình, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ có nội dung chưa kịp thời và quyết liệt; sự phối hợp của các cấp, các ngành, lực lượng chức năng có mặt chưa hiệu quả. Phần lớn các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn có quy mô nhỏ, năng lực còn hạn chế.

Các chính sách an sinh xã hội còn dàn trải, chủ yếu thực hiện hỗ trợ trực tiếp để giải quyết các khó khăn trước mắt, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững còn bất cập. Một bộ phận hộ nghèo, người nghèo chưa có ý chí, nỗ lực vươn lên thoát nghèo, còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Chế độ, chính sách ưu đãi chưa kịp thời, thỏa đáng để thu hút được người tài về công tác tại vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối thành các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn.

Hai là, cần nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, chủ động khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh nội tại; đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh, thành phố để phát triển. Nắm bắt, phân tích và dự báo sát với thực tế, đề ra chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, phù hợp với thực tiễn; phát huy tính năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ; nâng cao tính kỷ luật trong việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Ba là, phải chủ động, tích cực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; mạnh dạn tổ chức thực hiện với bước đi chắc chắn, không chủ quan, nóng vội; nắm vững quan điểm phát triển bền vững, chú trọng tăng trưởng kinh tế đi đôi với chăm lo phát triển xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Bốn là, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện phân công, phân cấp theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế, gắn tổ chức thực hiện nhiệm vụ với trách nhiệm người đứng đầu. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi công vụ.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Bám sát Cương lĩnh, Điều lệ và các nghị quyết của Đảng, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng; nắm chắc tình hình và chủ động tham mưu, đề xuất, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Điều lệ Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cho phù hợp với thực tế.

Sáu là, thường xuyên, chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát có hiệu lực, hiệu quả; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Bảy là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; vai trò giám sát của nhân dân; nắm bắt và tập trung

giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, lợi ích chính đáng của nhân dân ngay từ cơ sở. Phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực vượt khó của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tập hợp được sức mạnh, sự đồng thuận của Nhân dân trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án.

Phần thứ hai **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ** **VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Môi trường kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn những nhân tố khó lường, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. An ninh trật tự, tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp.

Đảng, nhà nước và Quốc hội tiếp tục có những chủ trương, chính sách lớn cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, nhất là khu vực Tây Bắc sẽ có Nghị quyết riêng về phát triển kinh tế - xã hội với nhiều chính sách đặc thù. Kinh tế của tỉnh trong những năm qua tiếp tục duy trì mức tăng trưởng hợp lý, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực; tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt kết quả quan trọng; một số chương trình, dự án lớn cơ bản hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư là tiền đề và động lực cho sự phát triển của tỉnh trong nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên với một tỉnh miền núi, biên giới, Điện Biên còn nhiều khó khăn thách thức, xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, giao thông đi lại khó khăn, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Nhu cầu cho đầu tư phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu rất lớn. Trong khi nguồn lực còn hạn hẹp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn; vấn đề di dịch cư tự do, mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy qua biên giới còn diễn biến phức tạp. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2020-2025.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh đổi mới toàn diện, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, tập trung huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị đồng bộ theo hướng hiện đại; khai thác hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường;

bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc và di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng và an ninh. Quyết tâm đưa Điện Biên thành tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

(1)- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0%/năm⁵⁷; đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt trên 60 triệu đồng/năm (tương đương 2.600-3.000 USD/ năm).

(2)- Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp chiếm 16,42%, giảm 1,8% so với năm 2020; công nghiệp - xây dựng 21,35%, giảm 1,3% so với năm 2020; các ngành dịch vụ 59,92%, tăng 5,73% so với năm 2020.

(3)- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 2.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 khoảng 80 nghìn tỷ đồng.

(4)- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 280 ngàn tấn. Tốc độ phát triển đàn gia súc đạt 3,5%/năm.

(5)- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 10-12%/năm.

(6)- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 24.700 tỷ đồng, tăng bình quân 11,09%. Tổng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2021-2025 đạt 401 triệu USD; năm 2025 đạt 95 triệu USD, tăng 1,66 lần so với năm 2020.

(7)- Đón khoảng 1.300 ngàn lượt khách, trong đó có 300 ngàn lượt khách quốc tế; tổng thu từ du lịch đạt 2.400 tỷ đồng.

2.2. Về xã hội

(8)- Quy mô dân số trung bình 66 vạn dân; tốc độ tăng dân số hằng năm 1,65%.

(9)- Mỗi năm đào tạo nghề cho 8.000 - 8.300 lao động; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 88%; phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên (có văn bằng, chứng chỉ) đạt 40%; tạo việc làm mới cho 8.700 lao động/năm; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2,5%.

(10)- Giảm tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều từ 30,67% năm 2020 xuống còn dưới 16% năm 2025 (bình quân hàng năm giảm 2,93 điểm phần trăm), trong đó các huyện nghèo nhóm 1 giảm trên 4%/năm, các huyện nghèo nhóm 2 giảm trên 3,5%/năm.

⁵⁷ Việc đề xuất mục tiêu về tốc độ phát triển GRDP và cơ cấu kinh tế giai đoạn 2021-2025 được căn cứ trên kết quả đánh giá lại quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) dự ước nhịp độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên là 6,06% (Văn bản số 513/CTK-TKQG, ngày 25/11/2019 của Cục Thống kê Điện Biên).

(11)- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã 95%; duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 95%; trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 13 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên 99%.

(12)- Trên 75% trường học đạt chuẩn quốc gia; trên 70% trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Đến năm 2025 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi.

(13)- Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 72%; 65% thôn, bản, tổ dân phố văn hóa; 93% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp công nhận đạt chuẩn văn hóa.

(14)- Có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới; toàn tỉnh có 45% số xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; không còn xã dưới 10 tiêu chí; bình quân đạt 14 tiêu chí/xã; có 45-50% số thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Phân đầu ít nhất 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2.3. Hạ tầng thiết yếu, môi trường

(15)- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được quanh năm; 100% số trạm y tế có cơ sở hạ tầng bảo đảm quy định của Bộ Y tế; 100% phòng học và 90% phòng nội trú được kiên cố hóa; 98% hộ dân được sử dụng điện.

(16)- 100% người dân thành thị được sử dụng nước sạch; trên 85% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh⁵⁸; trên 88% chất thải rắn ở đô thị được thu gom. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,5%.

2.4. Về công tác xây dựng Đảng

(17)- Hằng năm có trên 85% tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; bình quân mỗi năm kết nạp 2.500 đảng viên; 100% thôn, bản có đảng viên và thành lập được chi bộ độc lập; mỗi năm thành lập từ 10 tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân trở lên.

(18)- Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó phòng trở lên: 100% có trình độ đại học (trong đó 40% trở lên có trình độ trên đại học); 100% được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý nhà nước. Cán bộ, công chức cấp xã: 100% được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (trong đó 98% có trình độ trung cấp trở lên); 100% cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (trong đó 90% có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên).

III- VỀ THỰC HIỆN BA KHÂU ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

⁵⁸ Do bộ tiêu chí đánh giá mới khắt khe hơn; đồng thời nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho nước sạch nông thôn giai đoạn tới hạn chế, nhiều chương trình kết thúc như: Chương trình mở rộng quy mô nước sạch và nông thôn, Chương trình 135... do đó dự ước mức tăng bình quân là 0,37%/năm.

Tiếp tục quán triệt, triển khai, cụ thể hóa và đẩy mạnh thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, cụ thể là:

1. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị đồng bộ theo hướng hiện đại

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại. Trọng tâm là ưu tiên thu hút nguồn lực đầu tư nâng cấp Cảng hàng không Điện Biên, các công trình, dự án giao thông trọng điểm, kết nối trong vùng, giữa các địa phương với trung tâm kinh tế của các tỉnh và cả nước; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội tại Thành phố Điện Biên Phủ, đặc biệt là trục đường 60m, các trục đường phát triển, hạ tầng dọc sông Nậm Rốm; các thị trấn, thị tứ, tạo động lực thu hút các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) đầu tư vào các chương trình dự án phát triển các khu đô thị mới, khu thương mại dịch vụ và vui chơi giải trí... để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tập trung nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các địa bàn vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh bền vững.

2. Tập trung nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực thu hút mạnh nguồn lực cho đầu tư phát triển

Kịp thời xây dựng ban hành đồng bộ cơ chế, chính sách Trung ương phân cấp cho địa phương phù hợp với thực tế, bảo đảm tính khả thi nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khai thác sử dụng hiệu quả tiềm năng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tập trung nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách đặc thù để khai thác tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực, thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và phát triển du lịch; trong đó xác định bút phá từ nguồn lực bên trong là quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng nhằm tận dụng tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển

Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nguồn nhân lực với thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; mở rộng các hình thức đào tạo, dạy nghề, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, liên kết đào tạo, trọng tâm là đào tạo các ngành nghề phù hợp với nhu cầu nhân lực và thị trường lao động; mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nhân lực. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào

sản xuất và quản lý. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ năng lực, phẩm chất đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; đội ngũ doanh nhân, chuyên gia, quản trị doanh nghiệp, có năng lực tổ chức sản xuất, kinh doanh thích ứng với cơ chế thị trường.

IV- VỀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, phát triển bền vững

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp sạch. Đẩy mạnh thử nghiệm, ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới, có giá trị kinh tế cao, thích ứng với điều kiện khí hậu, địa chất và thổ nhưỡng của từng vùng. Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

Tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trọng tâm là tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi diện tích cây lương thực kém hiệu quả, đất tấp sang trồng cây ăn quả nhiệt đới có giá trị kinh tế cao, đã được thử nghiệm thành công trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Phát triển mô hình chăn nuôi trang trại và hộ gia đình bền vững với nguồn thức ăn từ trồng cỏ trên đất dốc; đẩy mạnh bảo vệ và phát triển rừng trồng, đặc biệt là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; tăng cường khoanh nuôi tái sinh rừng đi đôi với phát triển cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng. Duy trì thâm canh diện tích chè, cà phê, cao su hiệu quả hơn, phát triển mạnh cây mắc ca theo các dự án được phê duyệt, đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ; nghiên cứu bổ sung chính sách hỗ trợ để phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản an toàn, bền vững, đặc biệt là cây ăn quả và chăn nuôi gia súc giá trị kinh tế cao.

Chú trọng đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình, hệ thống thủy lợi để đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nhất là các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

2. Tập trung huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực từ đất đai và các thành phần kinh tế để phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại

Trọng tâm là xây dựng Thành phố Điện Biên Phủ, thị xã, các thị trấn, thị tứ và vùng dân cư nông thôn có điều kiện trở thành hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng. Làm tốt công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng đô thị với tầm nhìn dài hạn, gắn với tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý đất đai. Cụ thể hóa cơ chế, chính sách của Trung ương vào điều kiện thực tế của tỉnh để thu hút đầu tư các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu đô

thị mới, phấn đấu xây dựng Thành phố Điện Biên Phủ đạt tiêu chí đô thị loại II; Trung tâm thị trấn các huyện và thị xã Mường Lay đạt tiêu chí đô thị loại V trở lên.

3. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển ngành du lịch có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; phát triển mạnh các loại hình du lịch có thể mạnh, như: du lịch văn hóa, du lịch lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch lễ hội và du lịch cộng đồng; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đặc sắc, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống, cạnh tranh được với các tỉnh trong khu vực.

Tập trung tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể và thu hút đầu tư vào phát triển Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang, tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030. Chú trọng thực hiện thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch mà trọng điểm là địa bàn Thành phố Điện Biên Phủ.

Đẩy mạnh thực hiện hợp tác phát triển du lịch 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng; xây dựng, hình thành tuyến du lịch đường thủy trên sông Đà qua các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu; mở rộng liên kết tuyến du lịch quốc gia: Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu - Sa Pa - Lào Cai - Hà Nội với mục tiêu quảng bá hình ảnh để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước; phấn đấu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác.

4. Đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư công; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; tập trung phân bổ nguồn lực đầu tư cho các công trình trọng điểm, lựa chọn những công trình có hiệu quả, những công trình phát triển hạ tầng đô thị, cấp nước sạch, bệnh viện, trường học...

Tập trung thu hút đầu tư, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính; tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chủ động và tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, trong thực thi nhiệm vụ. Rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách thông thoáng thu hút nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch, dịch vụ và các mô hình phát triển nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Quan tâm thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử gắn với mục tiêu cải cách hành chính; đồng thời thực hiện nghiêm các nội dung liên quan trong công tác phối hợp hành động nhằm đón đầu làn sóng công nghiệp 4.0 bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

5. Tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; xây dựng con người phát triển toàn diện

Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống, các nhân tố tích cực trong đời sống văn hóa. Thực hiện các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị; tăng cường xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân làm cho văn hóa trở thành động lực trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục phổ thông, mở rộng liên kết đào tạo với các trường chuyên nghiệp và dạy nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; quan tâm công tác y tế dự phòng, chủ động phòng ngừa và phát hiện, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

6. Tích cực giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm cho người lao động

Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, tập trung vào tiêu chí sinh kế, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, nâng cao ý thức thoát nghèo, tiến tới loại bỏ tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước ở các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ, các hộ nghèo là người có công với cách mạng, hộ nghèo ở các huyện 30a cơ bản được hỗ trợ về nhà ở. Chú trọng tuyên truyền để thay đổi nhận thức cho Nhân dân với các vấn đề về lao động và việc làm; nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện, tuyên truyền và khuyến khích các hộ đã thoát nghèo vươn lên làm giàu.

7. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng đối phó với các mối đe dọa, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng; xây dựng biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển; góp phần phát triển kinh tế- xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

8. Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Quyết liệt thực hiện tinh giản biên chế gắn với hoàn thiện quy định và bố trí cán bộ theo tiêu chuẩn năng lực chức danh, vị trí việc làm. Xây dựng đội ngũ cán

bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp; bảo đảm sự kế tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, đủ sức lãnh đạo, xây dựng tỉnh Điện Biên ngày càng phát triển toàn diện, bền vững. Tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm quy định của Trung ương về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên.

V- CHỦ TRƯỞNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp; nâng cấp, quản lý và sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi, tăng cường xúc tiến, kêu gọi, thu hút đầu tư.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao ở những vùng có tiềm năng, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu đưa Điện Biên tham gia vào chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa, nông sản... Các vùng chưa có điều kiện sản xuất hàng hóa tập trung tiếp tục đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, hoàn thiện hạ tầng cơ sở để bảo đảm nguồn cung cho Nhân dân.

Đẩy mạnh phát triển cây mắc ca gắn với chế biến, tiêu thụ. Nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu gạo, chè, cà phê... Phát triển chăn nuôi trên cơ sở các sản phẩm có lợi thế, đặc sản của từng vùng như dê Tủa Chùa, trâu Mường Nhé, Nậm Pồ, bò Điện Biên Đông... Tăng cường khoanh nuôi tái sinh rừng; phát triển rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ có giá trị; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tăng cường xây dựng và mở rộng các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp an toàn, đặc trưng, đặc sản kết hợp với phát triển du lịch sinh thái.

Thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó: Tập trung hoàn thành các xã nông thôn mới nâng cao; thôn, bản nông thôn mới; thôn, bản nông thôn kiểu mẫu; ưu tiên đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu ở nông thôn; tăng cường phát triển các loại hình dịch vụ nông nghiệp. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu gắn với công nghiệp hóa, cơ giới hóa nền nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư ở các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, ưu tiên vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, dịch bệnh.

1.2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng cơ chế chính sách tạo đột phá, thu hút đầu tư phát triển

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và tăng sức hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tạo cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân theo hình thức đối tác công - tư (PPP), ưu tiên và tạo những điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thương mại, du lịch.

Đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền quảng bá hình ảnh của tỉnh Điện Biên tới các nhà đầu tư. Nâng cao năng lực hoạt động xúc tiến đầu tư; chú trọng việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển.

1.3. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị theo hướng hiện đại góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách, khai thác và sử dụng nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: Thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực đầu tư; tiếp tục kêu gọi, thu hút huy động mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tập trung nguồn lực để từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng quan trọng, như: Giao thông, thủy lợi, công trình công cộng; cơ sở hạ tầng đô thị theo đúng định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh; tiếp tục tập trung kêu gọi, thu hút, huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng Thành phố Điện Biên Phủ, mục tiêu ưu tiên là các dự án đầu tư Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Điện Biên, Trung tâm hành chính chính trị, các dự án đầu tư trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp, dọc trục đường 60m, các dự án phát triển nhà ở, sân golf, hạ tầng kỹ thuật.

1.4. Thực hiện tái cơ cấu đầu tư công theo hướng thiết thực hiệu quả

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Tranh thủ các nguồn lực từ Trung ương và các nguồn vốn khác, tiết kiệm chi thường xuyên; tập trung phân bổ nguồn lực đầu tư công vào các công trình, dự án trọng điểm, dự án đầu tư phát triển đô thị có hiệu quả; các công trình thiết yếu, cấp bách ở các lĩnh vực: giao thông, hạ tầng đô thị, thủy lợi, điện nông thôn, giáo dục, y tế, các công trình ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới khó khăn. Ưu tiên giành vốn từ ngân sách do tỉnh quản lý (vốn đầu tư cân đối ngân sách địa phương, nguồn thu từ đất, nguồn tăng thu được để lại...) bố trí

cho công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng các điểm tái định cư, tạo ra quỹ đất sạch cho các dự án phát triển đô thị và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), qua đó khai thác có hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển; ưu tiên tập trung thực hiện tại thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và thị trấn các huyện theo quy hoạch.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 phải gắn với mục tiêu và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Việc cân đối bố trí các nguồn lực bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đồng thời tạo ra hạ tầng đô thị để thu hút nguồn vốn lớn ngoài nhà nước.

1.5. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp

Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp, trọng tâm là ngành công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm theo chuỗi liên kết giá trị. Gia tăng các sản phẩm chế biến từ nông sản, thực phẩm để nâng cao giá trị, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và phục vụ du lịch, tạo điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

Phát triển nguồn, lưới điện giai đoạn 2021-2025: Tiếp tục vận hành khai thác ổn định, có hiệu quả các nhà máy thủy điện; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, điện mặt trời, các dự án truyền tải, phân phối điện theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 938 triệu kWh, điện sản xuất là 329,5MW. Sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với định hướng quy hoạch. Tập trung triển khai có hiệu quả các cụm công nghiệp hiện có tại các huyện: Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Ảng. Có chính sách khuyến khích và chú trọng khôi phục các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống.

Quản lý và thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư đối với các lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất.

1.6. Phát triển toàn diện ngành thương mại, dịch vụ, du lịch

Trên cơ sở tiềm năng, các ngành dịch vụ có lợi thế tập trung phát triển thương mại theo hướng khai thác tốt thị trường trong tỉnh kết hợp đẩy mạnh giao thương; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển, gắn hiệu quả kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động hội nhập.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển toàn diện kinh tế cửa khẩu quốc tế Tây Trang; đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng tại cửa khẩu Huổi Puốc; đề xuất Chính Phủ nâng cấp lối mở A Pa Chải thành cửa khẩu chính. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân bằng các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường, hỗ trợ khởi nghiệp.

Tập trung phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch gắn với bảo vệ môi trường bền vững; phát triển nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch đặc sắc, độc đáo mang đậm bản sắc và văn hóa truyền thống. Tham gia tích cực, hiệu quả các chương trình hợp tác phát triển du lịch của vùng và khu vực Tây Bắc. Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển các loại hình du lịch, đưa du lịch của tỉnh thành ngành mũi nhọn.

Tiếp tục phát triển các ngành dịch vụ như: vận tải, giáo dục, tài chính - ngân hàng, pháp luật, chăm sóc sức khỏe, giải trí... Phát triển nhanh, đa dạng hóa các dịch vụ bưu chính, viễn thông nhằm cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ với chất lượng cao, an toàn, bảo mật, đáp ứng mọi nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

1.7. Tập trung phát triển các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, ban hành các cơ chế chính sách đặc thù để thu hút đầu tư khai thác tiềm năng lợi thế của 3 vùng kinh tế (Vùng kinh tế động lực dọc Quốc lộ 279, Vùng kinh tế nông - lâm nghiệp sinh thái Sông Đà, Vùng kinh tế Mường Chà - Nậm Pồ - Mường Nhé). Tiếp tục quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước để phát triển mạnh kinh tế tư nhân, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể góp phần thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Trọng tâm là: kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, đẩy mạnh thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, xóa bỏ mọi rào, cản tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, mở rộng các hình thức liên kết và hợp tác, tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, thực hiện tốt cơ chế, chính sách hỗ trợ về đất đai, tiếp cận vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

1.8. Quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiểm soát chặt chẽ việc giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tập trung đẩy mạnh công tác triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; quản lý chặt chẽ đối với khu vực không tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên nước.

Chú trọng nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường; cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân; tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động theo dõi và xác định các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ quét... để xây dựng phương án phòng ngừa.

1.9. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm

Tập trung huy động nguồn lực để phối hợp cùng Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) hoàn thành dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Điện Biên; triển khai đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính của tỉnh; tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch xây dựng, đặc biệt là đô thị mới trục đường 60m, các đô thị mới ở Thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong triển khai thực hiện các dự án nâng cấp các tuyến quốc lộ, hệ thống đường vành đai biên giới; đầu tư phát triển Khu cửa khẩu quốc tế Tây Trang và cửa khẩu quốc gia Huổi Puộc huyện Điện Biên, lối mở A Pa Chải huyện Mường Nhé.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030; tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang.

Tập trung triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội theo đúng các mục tiêu đề ra.

2. Về phát triển văn hóa, xã hội

2.1. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo hướng toàn diện, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học nhằm thực hiện việc tinh giản bộ máy, đầu mối, biên chế, gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; huy động trẻ em trong độ tuổi đi học. Cùng cố mở rộng, nâng quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường trung học phổ thông, xây dựng xã hội học tập. Ưu tiên nguồn ngân sách nhà nước và tăng cường huy động các nguồn xã hội hóa để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo hướng toàn diện. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất người học. Thực hiện nội dung đổi mới chương trình, phương pháp dạy học phổ thông theo chỉ đạo của Trung ương phù hợp với điều kiện địa phương.

Tiếp tục kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề; gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của thị trường. Nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo,

bồi dưỡng tại các trường chuyên nghiệp của tỉnh; tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo, tuyển dụng lao động sau đào tạo. Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo với Lào, Thái Lan, tỉnh Vân Nam Trung Quốc.

2.2. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống y tế và nâng cao chất lượng công tác dân số - KHHGD

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế, từng bước hiện đại hoá các trang thiết bị khám, chữa bệnh và thực hiện tốt bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện. Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nhân lực, nhất là đào tạo chuyên khoa sâu, ưu tiên cho tuyến y tế cơ sở. Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm, chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế.

Phát huy và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng. Khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập chất lượng cao. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân theo quy định. Tăng cường hợp tác, liên kết khám, chữa bệnh giữa các cơ sở y tế trong tỉnh với các bệnh viện của Trung ương.

2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, nhất là công nghệ cao, tiên tiến

Tiếp tục đổi mới hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất và quản lý. Chú trọng triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học chuyên sâu, đối với các lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phòng chống thiên tai, tăng cường ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe nhân dân... khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất và đời sống.

2.4. Phát triển văn hoá, thể thao sâu rộng bền vững, gắn với nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa con người toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững⁵⁹. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/2024). Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nhân rộng mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu. Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế về văn hóa.

⁵⁹ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 10/12/2014 của Tỉnh ủy Điện Biên về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên.

Tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục, thể thao quần chúng, nhất là trong lực lượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Ưu tiên đầu tư phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao mà tỉnh có thể mạnh. Từng bước hình thành, tổ chức các sự kiện thể thao giải trí, thể thao đặc thù nhằm thu hút khách du lịch.

2.5. Đẩy mạnh công tác thông tin - truyền thông theo hướng công khai minh bạch, kịp thời tạo sự đồng thuận trong xã hội

Tiếp tục triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi.

Phát triển bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyển phát và hạ tầng Logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số. Phát triển hạ tầng viễn thông và hạ tầng thiết yếu cho phát triển kinh tế số. Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

Tăng cường, đổi mới nội dung, hình thức và tăng cường đầu tư các thiết bị kỹ thuật đồng bộ, hiện đại bảo đảm tăng thời lượng, chất lượng phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.6. Bảo đảm an sinh xã hội gắn với giảm nghèo, lao động, việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án phục vụ trực tiếp cho công tác giảm nghèo; thực hiện rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo đảm an sinh xã hội tại địa phương. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách người nghèo, dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, người cao tuổi. Thực hiện hiệu quả các chính sách về bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người khuyết tật... Đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực xã hội hóa để cuối nhiệm kỳ, số hộ nghèo là người có công với cách mạng, hộ nghèo ở các huyện 30a cơ bản được hỗ trợ về nhà ở.

2.7. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc và tôn giáo

Công tác dân tộc: Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng đặc biệt khó khăn, nhất là tập trung triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát huy nội lực, nỗ lực vươn lên, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo: Thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; tiếp tục triển khai hiệu quả Luật tín

ngưỡng, tôn giáo. Chủ động phát hiện, ngăn ngừa lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật, chống đối, chia rẽ đoàn kết các dân tộc tổn hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

3. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

3.1. Tăng cường công tác quân sự, quốc phòng địa phương gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường giáo dục, quán triệt và triển khai có hiệu quả quan điểm, tư tưởng của Đảng về chiến lược bảo vệ tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao năng lực lãnh đạo, vai trò quản lý, điều hành và phối hợp tham mưu của các cơ quan, đơn vị đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận Biên phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng các tiềm lực quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu tác chiến phòng thủ trong tình hình mới.

Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, thế trận trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện. Thực hiện nghiêm quy định về tổ chức xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên; công tác giáo dục, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh, tuyển quân, dân vận, công tác chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội. Tiếp tục đẩy mạnh rà phá bom, mìn, vật nổ và tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng và ngoại giao nhân dân, xây dựng biên giới quốc gia hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3.2. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra gây rối, bạo loạn, "điểm nóng" về an ninh, trật tự; thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh giải quyết tình hình, hoạt động các tà đạo, đạo lạ; làm giảm tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông, cháy nổ. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp trong xây dựng phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về an ninh, trật tự, góp phần duy trì môi trường và biên giới hòa bình, bảo đảm an ninh, trật tự từ xa.

3.3. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế

Tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; duy trì và mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); phối

hợp giải quyết đúng quy định những vấn đề liên quan giữa các bên, đưa hoạt động hợp tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục phát triển quan hệ với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; hình thành liên kết hợp tác phát triển du lịch, thương mại... giữa Điện Biên, các tỉnh Bắc Lào và Đông Bắc Thái Lan. Thiết lập và tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các địa phương của các nước trong khối ASEAN; các nước có nền kinh tế phát triển, có điều kiện hợp tác và đầu tư vào Điện Biên.

Mở rộng phạm vi đối tác, lĩnh vực hợp tác với các đối tác cả trong và ngoài nước, trong đó ngoại giao kinh tế làm trọng tâm. Tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân, nâng cao hiệu quả xúc tiến hợp tác đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi thu hút viện trợ quốc tế, kết hợp phát huy nội lực và sử dụng hợp lý các nguồn lực bên ngoài nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh tạo động lực phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân. Tiếp tục phối hợp nâng cấp các cặp cửa khẩu, lối mở giữa 2 nước Việt Nam - Lào và Việt Nam - Trung Quốc, phục vụ mở rộng, phát triển hợp tác biên mậu giữa các bên.

4. Xây dựng chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả

4.1. Đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn trong việc ban hành cơ chế, chính sách của hội đồng nhân dân các cấp. Các chính sách do Hội đồng nhân dân ban hành phải trên cơ sở định hướng, chủ trương của cấp ủy; đồng thời xuất phát từ yêu cầu thực tế, các vấn đề cấp thiết, góp phần tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, đáp ứng được nguyện vọng của Nhân dân. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan trong xây dựng chính sách.

Nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn. Công tác giám sát, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn những vấn đề bức xúc, tác động lớn đến đời sống Nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nghiên cứu đổi mới về phương thức, hình thức giám sát và vai trò giám sát của từng đại biểu, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; đổi mới và nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri, tiếp công dân. Tổ chức thành công bầu cử HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026.

4.2. Đối với hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Tập trung chỉ đạo điều hành quyết liệt các nhiệm vụ, các chương trình, dự án theo đúng chủ trương, kế hoạch của cấp ủy và nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Giải quyết công việc đúng phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm được phân

công, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm, vai trò của cá nhân theo quy định, chương trình, kế hoạch công tác và quy chế làm việc.

Tập trung chỉ đạo đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân. Tăng cường phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phấn đấu đến năm 2025, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nằm trong nhóm khá của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức thiếu ý thức phục vụ Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp, vi phạm đạo đức nghề nghiệp và những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

4.3. Đối với hoạt động của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong giám sát thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương; phối hợp chặt chẽ với HĐND, UBND và các cơ quan liên quan trong xây dựng, sửa đổi các chính sách pháp luật, các nghị quyết của Quốc hội; tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội.

Đổi mới trong hoạt động tiếp xúc cử tri, kịp thời phản ánh kiến nghị, những vấn đề được dự luận xã hội và cử tri quan tâm với Quốc hội, Chính phủ. Chú trọng phát hiện lựa chọn giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội bảo đảm đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định.

5. Phát huy sức mạnh đại Đoàn kết các dân tộc, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, tập hợp khối đoàn kết các dân tộc, phát huy quyền làm chủ và trí tuệ của Nhân dân. Chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền xem xét, giải quyết.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” và hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho gia đình chính sách, các hộ nghèo. Triển khai các dự án, mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn.

Phát huy dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh. Tăng cường các hoạt động đối ngoại nhân dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường hiệp thương dân chủ, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong phối hợp triển khai công việc.

6. Công tác xây dựng Đảng

6.1. Về chính trị, tư tưởng

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Quán triệt sâu sắc toàn diện quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; xây dựng chương trình hành động cụ thể, sát thực tiễn. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống, phong cách, công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Phát huy tốt hơn nữa vai trò của báo chí, văn hóa, văn học, nghệ thuật trong công tác tuyên truyền, định hướng chính trị tư tưởng, định hướng nhân cách, định hướng các giá trị sống tốt đẹp. Chú trọng công tác tham mưu trên các lĩnh vực khoa giáo, đánh giá tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong Nhân dân, bảo đảm tính khoa học, chính xác, sát thực tế nhằm kịp thời cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Thực hiện tốt công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến lý luận gắn với thực tiễn của tỉnh. Đổi mới căn bản và toàn diện công tác giáo dục lý luận chính trị trong Trường Chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, các trường chuyên nghiệp, trường phổ thông. Chú trọng đổi mới học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết theo hướng thiết thực và hiệu quả.

6.2. Về tổ chức xây dựng Đảng

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; quyết tâm thực hiện giảm đầu mối tổ chức, giảm số lượng cấp phó và bộ phận hành chính, phục vụ, tăng số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ làm công tác chuyên môn nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp, tinh thông, hiệu quả.

Thực hiện nghiêm quy định, quy trình về công tác cán bộ; nâng cao chất lượng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; phát triển đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; chú trọng

đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã, địa bàn trọng yếu. củng cố, kiện toàn, sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các huyện, thị, thành phố, các sở, ban, ngành tỉnh; chú trọng thực hiện cơ cấu 3 độ tuổi, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kế cận. Nghiên cứu đề từng bước thực hiện thí điểm tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tập trung lãnh đạo bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026.

Rà soát, bổ sung các quy định, quy chế về quản lý tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, bảo đảm nguyên tắc, rõ thẩm quyền và trách nhiệm. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ. Có cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ có trình độ, năng lực công tác ở vùng khó khăn, vùng cao, biên giới. Quan tâm bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, đảng viên.

Nâng cao chất lượng tổ chức đảng, nhất là các chi, đảng bộ ở cơ sở. Thực hiện tốt việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các đơn vị kinh tế tư nhân giai đoạn 2019-2025. Tăng cường thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc tình hình an ninh chính trị trên địa bàn; quản lý tốt các vấn đề chính trị của cán bộ, đảng viên.

6.3. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng

Đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền, quán triệt về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về công tác kiểm tra, giám sát.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát gắn với việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy, tổ chức đảng. Chủ động phát hiện sớm, ngăn ngừa các vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; chú trọng công tác tự kiểm tra, giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm của cấp ủy, tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành một cách chủ động và thực hiện thường xuyên, toàn diện, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, như: đất đai, đầu tư xây dựng, ngân sách, công tác cán bộ..., kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, ngăn chặn những khuyết điểm, vi phạm, xử lý nghiêm những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

6.4. Công tác dân vận

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, chăm lo phát triển kinh tế - xã hội,

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân khu vực vùng cao, biên giới, vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có tôn giáo. Giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị, đề xuất chính đáng của Nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác dân vận ở từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; thực hiện có hiệu quả công tác dân vận chính quyền; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững....

6.5. Công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng

Tiếp tục quán triệt, triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác nội chính và bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách tư pháp. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, đồng thời tăng cường, đẩy mạnh công tác kiểm tra và giám sát theo quy định.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng của Trung ương, của tỉnh; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, vai trò tiên phong gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các đơn vị, cơ quan trong công tác phòng chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm các quy định về kê khai tài sản, thu nhập; chuyển đổi vị trí công tác theo quy định; cải cách thủ tục hành chính; chấn chỉnh tác phong, đạo đức công vụ. Kịp thời, kiên quyết xử lý những hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, những biểu hiện "tham nhũng vặt".

Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm điều tra, truy tố, xét xử đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Tiếp tục triển khai tốt chủ trương “nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa”. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ ngành tư pháp và các cơ quan hỗ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

6.6. Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với cấp chính quyền, giữ vững nguyên tắc và bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, phát huy hiệu quả, hiệu lực của cấp chính quyền trong tổ chức điều hành; phát huy tính chủ động, vai trò của các đồng chí Thường trực, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; phân công nhiệm vụ, chịu trách nhiệm

trong từng việc, từng nội dung cụ thể. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị theo quy định.

Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng việc thể chế hóa, xây dựng, ban hành nghị quyết, quy chế để tổ chức thực hiện của các cấp ủy; việc mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng; đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh hội họp, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường cải tiến phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức theo hướng phục vụ.

Quản trị và thực hiện tốt nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý đội ngũ cán bộ; mỗi cấp ủy thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng cán bộ theo đúng trách nhiệm, quyền hạn được phân cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, có tinh thần trách nhiệm và tín nhiệm cao, có năng lực, tư duy đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đủ năng lực, uy tín để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị.

Với tinh thần đoàn kết, dân chủ, đổi mới và phát triển; Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên tiếp tục phát huy truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh đoàn kết các dân tộc, nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm xây dựng tỉnh Điện Biên phát triển nhanh và bền vững, góp phần cùng với cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng./

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGHỊ
QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIII, MỤC TIÊU ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV**

(Kèm theo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh Điện Biên)

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết Đại hội XIII	Thực hiện đến năm 2020	So sánh với NQDH XIII (%)	Mục tiêu đến 2025	Ghi chú
A	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội, môi trường						
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh)	Tỷ đồng		12.355,5		17.327,5	
	Tăng trưởng GRDP	%/năm	6,80	6,83	0,03	7,0	
	Trong đó:						
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%/năm	3,66	3,85	0,19	3,16	
	- Công nghiệp và xây dựng	%/năm	6,79	9,70	2,91	7,87	
	- Dịch vụ	%/năm	8,05	7,48	-0,57	7,98	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%/năm		6,50		4,20	
	Bình quân GRDP/đầu người	USD	1.800-2.000	1.732,2	100,66	2.600	
		Triệu đồng	38-40	38,25		60	
2	Cơ cấu GRDP:						
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	22,53	18,22	-4,31	16,42	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	26,86	22,65	-4,21	21,35	
	- Dịch vụ	%	50,61	54,19	3,58	59,92	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%		4,93		2,31	
3	Thu, chi ngân sách, tổng vốn đầu tư toàn xã hội						
	Tổng thu ngân sách địa phương	Tỷ đồng	12.000,0	12.199,3	101,66	14.000,0	
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	1.200,0	1.249,94	104,16	2.000,0	
	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (5 năm)	Tỷ đồng	50.000-55.000	50.276,99	100,55	80.000,0	
4	Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi						
	Tổng sản lượng lương thực	Nghìn tấn	260,00	270,52	104,05	280,00	
	Gia súc tăng bình quân	%			-3,80		

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết Đại hội XIII	Thực hiện đến năm 2020	So sánh với NQĐH XIII (%)	Mục tiêu đến 2025	Ghi chú
		/năm	4,85	1,05		3,50	
5	<i>Sản xuất công nghiệp</i>						
	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá SS 2010)	Tỷ đồng	5.042,0	3.400,0	67,43	5.500,0	
	Giá trị sản xuất công nghiệp tăng thêm (theo giá năm 2010)	Tỷ đồng	1.379,0	1.115	80,86	1.750,0	
6	<i>Xuất, nhập khẩu hàng hóa</i>						
	Tổng giá trị xuất, nhập khẩu	Triệu USD	100,0	102,0	102,0	140,0	
	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	55,0	57,0	103,6	95,0	
	Giá trị nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	45,0	45,0	100,0	45,0	
	Tỷ lệ xuất siêu so với giá trị nhập khẩu hàng hóa	%		26,67		111,11	
7	<i>Phát triển du lịch</i>						
	Tổng số khách du lịch	Nghìn lượt người	870,00	910,00	104,6	1.300,0	
	Doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	1.500,0	1.500,0	100,0	2.400,0	
8	<i>Chỉ tiêu dân số</i>						
	Dân số trung bình	Vạn người	<60	61,23	102,1	66,0	
	Tốc độ tăng dân số hằng năm	%	1,63	1,77	0,14	1,65	
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi		68,5		72	
9	<i>Lao động, việc làm</i>						
	Số lao động được tạo việc làm	Lao động/năm m	8.000-8.500	9.006	112,6	8.700	
	Đào tạo giáo dục nghề nghiệp (*)	Lao động/năm m	7.800-8.200	8.130	104,2	8.000-8.300	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	58,6	57	-1,6	65%-70%	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo	%		28,50		40,0	
	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,5	2,50	0,0	< 2,5	
10	<i>Giảm nghèo</i>						
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	33 (**)	30,67	-2,3	<16	
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	3,0	3,3	0,3	2,93	
11	<i>Y tế và Bảo vệ trẻ em</i>						
	Tỷ lệ bác sĩ/ 1 vạn dân	Bác sĩ	11,00	12,33	1,33	13	
	Số giường bệnh/ 1 vạn dân	Giường		31,70		32	
	Tỷ lệ xã, xã phường, thị trấn có bác sỹ	%	90,0	98,4	8,45		

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết Đại hội XIII	Thực hiện đến năm 2020	So sánh với NQĐH XIII (%)	Mục tiêu đến 2025	Ghi chú
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	80,0	80,6	0,62	95	
	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	100,0	95,6	-4,40		
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	10,0	16,0	6,00		
	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	94,0	95,0	1,00	95	
	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%				>90	
	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	%		98,8		>99	
12	<i>Giáo dục</i>						
	Trẻ 3-5 tuổi tới trường mẫu giáo	%	98	99,20	1,20	99,2	
	Trẻ 5 tuổi tới trường mẫu giáo	%	99,6	99,90	0,30	99,9	
	Trẻ 6-10 tuổi tới trường tiểu học	%	99,5	99,80	0,30	99,8	
	Trẻ 11-14 tuổi vào học THCS	%	95	95,90	0,90	96,6	
	Trẻ 15-18 tuổi vào học THPT	%	70	63,60	-6,40	70,0	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	>60	69,9	9,9	>75	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	%	>99	99,50	0,50	>99	
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	>99,5	99,90	0,40	99,5	
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	>97	95,00	-2,00	97,0	
13	<i>Văn hóa, thể thao, phát thanh - truyền hình</i>						
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá	%	70,00	70,00	0,0	72,0	
	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%	55,00	62,00	7,0	65,0	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	90,00	91,00	1,0	93,0	
	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	25,00	41,30	16,3	44,0	
	Tỷ lệ huyện có nhà văn hóa - thể thao	%	100,00	100,00	0,0	100,0	
	Tỷ lệ xã, phường có nhà văn hóa - thể thao	%	60,00	62,8	2,8	65,4	
	Số hộ xem truyền hình TW và truyền hình tỉnh	%	100,0	100	0,0		
	Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam	%	100,0	100	0,0		
	Tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên	%		30,00		35,0	
	Tỷ lệ gia đình thể thao	%		19,00		23,0	
14	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (15-19 tiêu chí)	%	30,00	31,90	1,90	45,0	
	Tỷ lệ thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%				45%-50%	
15	<i>Cơ sở hạ tầng thiết yếu</i>						
	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại được quanh năm	%	100,0	93,80	-6,20	100	

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết Đại hội XIII	Thực hiện đến năm 2020	So sánh với NQĐH XIII (%)	Mục tiêu đến 2025	Ghi chú
	Tỷ lệ đường giao thông cấp huyện được cứng hóa	%	100,0	80	-20,00	100	
	Tỷ lệ đường giao thông cấp xã được cứng hóa	%	50,0	45,2	-4,80	75	
	Số hộ được dùng điện	%	> 98	92	-6,00	98	
	Tỷ lệ xã có lưới điện quốc gia	%	100,0	100,0	0,00		
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh	%	50,0	70,5	20,54	100	
16	<i>Chỉ tiêu môi trường</i>						
	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	67,77	83,13	15,36	85,0	
	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	99,5	99,6	0,10	100	
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42 (***)	42,50	0,50	45,50	
	Thu gom chất thải rắn ở đô thị	%		82		88	
B	Chỉ tiêu xây dựng đảng						
17	Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	%/năm	45-50	44,6	-0,4		
	Tổ chức đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ					85%-90%	
	Cơ sở đảng yếu kém (Không hoàn thành nhiệm vụ)	%/năm	<5	<5	0	<5	
	Kết nạp đảng viên mới (bình quân giai đoạn 2016-2019 và giai đoạn 2016-2020)	ĐV/năm	2.000			2500	
	Chỉ tiêu xóa thôn, bản trắng đảng viên	%/năm	15-20	20	0,0		Năm 2020 hoàn thành chỉ tiêu
	Chỉ tiêu xóa thôn, bản chưa có chi bộ	%/năm	15-20	13,41	-1,59		Năm 2020 dự kiến còn 105 thôn bản
18	<i>Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trường, phó phòng trở lên:</i>						
	- Có trình độ từ đại học trở lên	%	100	99	-1	100	
	- Được đào tạo lý luận chính trị	%	100	97,7	-2,3	100	
	- Được đào bồi dưỡng về quản lý nhà nước	%	100	100	0	100	
	<i>Cán bộ công chức cấp xã:</i>						
	- Có trình độ trung học phổ thông	%	60	77,2	17,2	100	
	- Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên	%	65	55,6	-9,4	100	
	- Được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	%	100	100	0	100	

Ghi chú:

(*) Theo NQĐH XIII, là chỉ tiêu "Đào tạo nghề/năm"

(**) Theo NQĐH XIII, Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) từ 28,01% năm 2015 xuống còn 14,36% năm 2020 (giảm 2,73%/năm). NQ01 đã điều chỉnh lại (theo chuẩn nghèo đa chiều 2016-2020) từ 48,18% năm 2015 xuống còn 33% năm 2020).

(***) Theo NQĐH XIII 45% (từ 41,84% lên 45%). NQ01 đã điều chỉnh lại lục tiêu: tăng 3,5% so với năm 2015 (38,5%).